

Phụ lục số II
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2012/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN
Năm báo cáo 2014

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302615063
- Vốn điều lệ: 740,019,140,000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 740,019,140,000 đồng
- Địa chỉ: Lô 46 Công viên Phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP.HCM.
- Số điện thoại: (84.8) 3715 9909
- Số fax: (84.8) 5437 1074
- Website: www.saigontel.com
- Mã cổ phiếu: **SGT**

2. Quá trình hình thành và phát triển

Thành lập ngày 14/05/2002, đến nay sau hơn 13 năm, SaigonTel luôn phấn đấu để trở thành một trong những công ty công nghệ và viễn thông hàng đầu Việt Nam.

- Năm 2002: Ngày 14/5/2002, SaigonTel được thành lập và chính thức hoạt động với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng. Nhờ sự hậu thuẫn từ Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn và xác định viễn thông sẽ là một trong những ngành nghề phát triển nhất trong tương lai, ngay sau khi thành lập, SaigonTel đã chính thức cung cấp dịch vụ Internet tốc độ cao ở KCN Tân Tạo và KCN Việt Nam – Singapore (VSIP)
- Năm 2004: Công ty thắng thầu Dự án Tích hợp hệ thống (SI) lớn đầu tiên: “Nâng cấp và mở rộng hệ thống VoIP 171” cho Công ty Điện toán Truyền Số liệu VDC (một đơn vị trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, VNPT) và bắt đầu phát triển phần mềm.
- Năm 2005: Việc thực hiện thành công những dự án trên đã ít nhiều tạo được uy tín ban đầu cho SaigonTel. Trong năm 2005, Công ty chính thức được Bộ Bưu chính Viễn thông cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông ISP (dịch vụ truy cập Internet). Cũng trong năm này, Công ty khởi công khu ICT Kinh Bắc (Bắc Ninh) với diện tích ban đầu là 50 ha và Cao ốc Saigon ICT tại Công viên Phần mềm Quang

Trung (TP.HCM) nhằm phục vụ cho nhu cầu của Công ty, các khách hàng và các đối tác.

- Năm 2006: Với mục đích đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực CNTT, năm 2006, SaigonTel liên kết với Đại học Hùng Vương thành lập Viện Công nghệ Viễn thông Sài Gòn và khai giảng khóa huấn luyện nguồn nhân lực CNTT đầu tiên cho thị trường Nhật.
- Năm 2007: Tháng 1/2007, SaigonTel trở thành cổ đông sáng lập (chiếm 7% VĐL) của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao TP.HCM. Tháng 2/2007, SaigonTel chính thức kinh doanh Game Online trên thị trường Việt Nam với Game trực tuyến đầu tiên Shaiya. Chỉ sau một năm phát hành, Shaiya đã nhận được rất nhiều giải thưởng: Đơn vị có game mới phát hành được ưa chuộng và là Game Quốc tế Online có thiết kế đồ họa ấn tượng nhất trong năm. Ngày 19/09/2007, SaigonTel chính thức được Bộ TT &TT cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông OSP.
- Năm 2008: SaigonTel tham gia thành lập và giữ trên 50% cổ phần của các Công ty như Công ty Cổ phần Truyền thông VTC-SaigonTel và Công ty Cổ phần Dệt may Viễn thông Sài Gòn Vina, mở ra ngành nghề kinh doanh mới khai thác kênh truyền hình quảng bá và đầu tư, quản lý, khai thác cao ốc.

Ngày 18/01/2008 đánh dấu một sự kiện khác của SaigonTel: 45 triệu cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán SGT.

- Năm 2011: Trở thành cổ đông lớn của Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn SPT.
- Năm 2013: SaigonTel chính thức bước vào thị trường điện thoại di động thông minh với việc trở thành nhà phân phối độc quyền Sharp smartphone; Haier smartphone tại thị trường Việt Nam.
- Tháng 11 năm 2014, SaigonTel thành lập Công ty TNHH MTV SaigonTel chuyên phân phối các sản phẩm, thiết bị viễn thông. Trong những tháng cuối năm, MTV SaigonTel đánh dấu bằng sự kiện thắng thầu nhiều dự án lớn, cung cấp các sản phẩm, thiết bị viễn thông cho Công ty CP Viễn thông Quân đội Viettel và hệ thống Viettel Global; đóng góp hơn 40% doanh thu toàn công ty.
- Tháng 12/2014, sự ra đời của Công ty CP Phân phối và Dịch vụ SaigonTel đánh dấu sự trưởng thành của bộ phận ICT; ngoài mặt hàng kinh doanh chiến lược là điện thoại di động; công ty phân phối chính thức được Ban lãnh đạo giao nhiệm vụ kinh doanh thêm ở một số lĩnh vực tiềm năng khác như: Cho thuê mặt bằng, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm chức năng,...
- Cũng trong năm 2014, Công ty đã tiến hành chuyển nhượng một phần cổ phiếu của Công ty CP Truyền thông Sắc Màu Sài Gòn (SGC) cho bên thứ ba, SGC không còn là công ty thành viên của SaigonTel kể từ thời điểm trên.

Chặng đường 13 năm phát triển với không ít cột mốc đáng nhớ, cùng với những giải

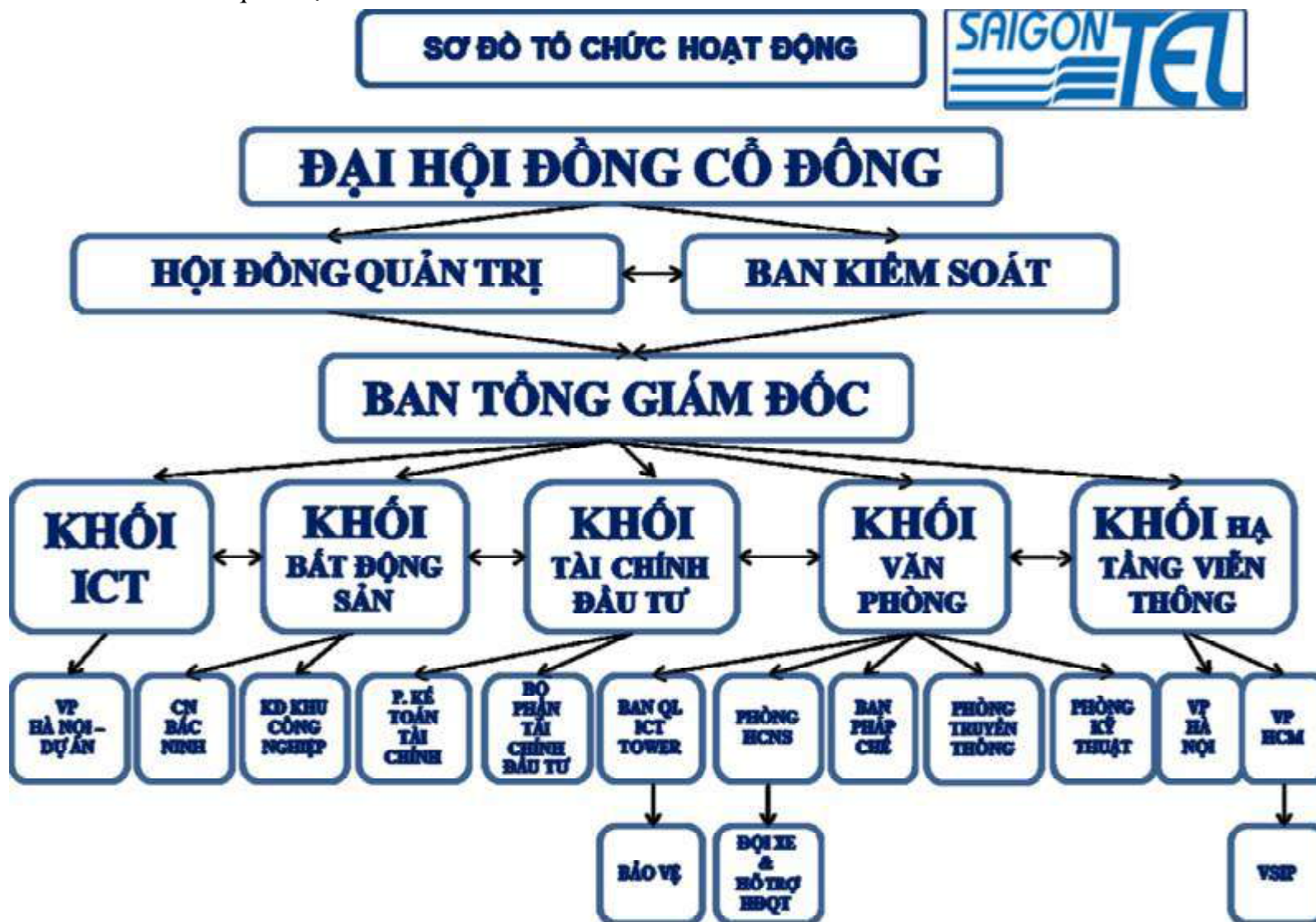
thường tiêu biểu như: Giải thưởng Quả cầu vàng năm 2008, 2009; giải thưởng Doanh nghiệp Vì cộng đồng 2009; Thương hiệu kinh tế đối ngoại uy tín 2009; giải thưởng Thương hiệu Chứng khoán uy tín năm 2009, 2010; Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR 500) nhiều năm liền; Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2010; giải thưởng Sao Vàng Đất Việt... đã chứng tỏ nội lực và khả năng phát triển mạnh mẽ của SaigonTel để trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực CNTT, viễn thông và các ngành liên quan.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sau hơn 13 năm phát triển không ngừng, SAIGONTEL luôn chứng minh là một doanh nghiệp cổ phần lớn, hoạt động đa lĩnh vực với tất cả sản phẩm, dịch vụ đều tập trung vào lĩnh vực công nghệ, viễn thông và CNTT như:
 - ❖ Đầu tư, xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng như khu Công nghệ thông tin và Truyền thông ICT, khu công nghiệp công nghệ cao, cao ốc thông minh trên toàn quốc...
 - ❖ Kinh doanh bất động sản, nhà, xưởng, cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp.
 - ❖ Kinh doanh, phân phối sản phẩm Công nghệ thông tin, hiện SAIGONTEL là nhà nhập khẩu độc quyền các dòng SHARP smartphone tại thị trường Việt Nam.
 - ❖ Cung cấp các dịch vụ, giải pháp truyền thông với Kênh truyền hình VTC6 phủ sóng toàn quốc.
 - ❖ Cung cấp các dịch vụ, thiết bị viễn thông
 - ❖ Cung cấp dịch vụ ISP và các dịch vụ gia tăng.
- Địa bàn kinh doanh: SAIGONTEL tập trung kinh doanh tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bắc Ninh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị.



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.

a. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số thành viên của HĐQT; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty

b. Hội đồng quản trị:

Hàng quý trong năm, HĐQT Công ty đều tổ chức họp thường kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, tổng kết những thành quả đạt được và những tồn tại cần khắc phục (nếu có), từ đó đưa ra những phương hướng giải quyết, điều chỉnh một cách nhanh chóng, kịp thời. Ngoài ra, trước một sự kiện/vấn đề có tính thời sự, cấp bách, HĐQT cũng nhanh chóng triệu tập các cuộc họp bất thường nhằm kịp thời thông qua các quyết định đầu tư, quyết định góp vốn liên doanh hay thành lập các công ty trực thuộc... Chương trình nghị sự chính tại các cuộc họp cụ thể là: chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Điều hành, đưa ra các quyết định đầu tư, các chủ trương lớn...

Với tinh thần trách nhiệm cao, tầm nhìn chiến lược đúng đắn cùng việc đưa ra các quyết định nhạy bén, đúng thời điểm, trong năm qua các thành viên HĐQT đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Đặc biệt, tuy cực kỳ bận rộn với lịch làm việc và những chuyến công tác dày đặc nhưng Chủ tịch HĐQT luôn cố gắng thu xếp thời gian làm việc với Ban Điều hành, quán triệt tầm nhìn, sứ mạng của Công ty và trực tiếp chỉ đạo các hoạt động chiến lược. Với tâm vóc và uy tín cá nhân của mình, Chủ tịch HĐQT thường xuyên làm việc với lãnh đạo các cấp, với các đối tác trong và ngoài nước và thu hút được nhiều dự án lớn về cho Công ty.

c. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát thay mặt cổ đông kiểm soát các hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị, hoạt động điều hành Công ty. Hàng quý, Ban Kiểm soát đều họp thường kỳ để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

d. Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến

lược, kế hoạch đã được Hội đồng Quản trị Công ty và Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

e. Kế toán trưởng

Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty; thực hiện các công việc theo ủy quyền của Tổng giám đốc.

f. Các phòng ban nghiệp vụ

- ***Khối ICT***

Bộ phận ICT chịu trách nhiệm đối với các dự án viễn thông cũng như việc kinh doanh các sản phẩm công nghệ, viễn thông của Công ty. Định kỳ từng tháng khối ICT sẽ lên kế hoạch kinh doanh cũng như doanh thu, lợi nhuận dự kiến để báo cáo với Ban Tổng Giám Đốc cũng như đảm bảo việc kinh doanh của Công ty được diễn ra liên tục và hiệu quả.

- ***Khối Bất động sản***

Bộ phận này hoạt động chủ yếu tại Chi nhánh Bắc Ninh, chịu trách nhiệm kinh doanh tại Khu công nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn với hoạt động chính là cải tạo, xây dựng các khu nhà xưởng, văn phòng tại Khu công nghiệp. Đồng thời đối với các hạng mục đã hoàn thành sẽ tiến hành bán và cho thuê các tài sản tại Khu công nghiệp này. Hoạt động của Khối Bất động sản này chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng doanh thu của Công ty và đây cũng được xem như là một trong những hướng phát triển chủ đạo của Công ty.

- ***Khối Tài chính Đầu tư***

Khối Tài chính đầu tư bao gồm hai bộ phận chính là bộ phận Kế toán và Đầu tư.

- Bộ phận Kế toán với nhiệm vụ và chức năng chính là tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty để định kỳ báo cáo trực tiếp lên Ban Tổng Giám Đốc, đồng thời đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính của Công ty.
- Bộ phận Đầu tư với nhiệm vụ xem xét và thẩm định các dự án của Công ty để có thể tham mưu, cố vấn cho Ban Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định đầu tư, đồng thời cũng hỗ trợ Ban Tổng Giám Đốc trong việc đề ra các phương hướng kinh doanh cũng như kế hoạch tài chính cho Công ty một cách hợp lý nhất.

- ***Khối Văn phòng***

Khối văn phòng bao gồm bộ phận Quản lý Tòa nhà ICT Tower và các bộ phận hỗ trợ hoạt động thường ngày của Công ty như Phòng Hành chính – Nhân sự, Phòng Pháp chế, Phòng truyền thông và Phòng Kỹ thuật. Các bộ phận này có nhiệm vụ hỗ trợ các bộ phận

khác trong các hoạt động hàng ngày của Công ty, đảm bảo cho các hoạt động của Công ty được diễn ra liên tục và hiệu quả.

- *Khởi Hạ Tầng Viễn Thông*

Khởi hạ tầng viễn thông hoạt động tại Văn phòng Hà Nội, văn phòng Hồ Chí Minh và tại khu công nghiệp Vietnam-Singapore, chịu trách nhiệm kinh doanh, cung cấp các dịch vụ hạ tầng viễn thông đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng về băng thông, tốc độ và sự ổn định. Bộ phận góp phần không nhỏ vào doanh thu, tạo nên nguồn thu ổn định của công ty trong những năm qua.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của công ty	Chiếm tỷ lệ
Công ty CP Phân Phối Và Dịch Vụ SAIGONTEL	Tầng 4, số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP.HCM, Việt Nam	Công ty con	Phân phối các mặt hàng điện tử, công nghệ viễn thông.	21,000,000,000	70%
Công ty TNHH Một Thành Viên SAIGONTEL	Tầng 3, số 193 đường Trích Sài, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Hà Nội.	Công ty con	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	20,000,000,000	100%

5. Định hướng phát triển

5.1. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Trong năm 2015, SAIGONTEL sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh đảm bảo lợi nhuận ổn định lâu dài như: đầu tư kinh doanh hạ tầng khu ICT. Đặc biệt, tập trung đẩy mạnh việc khai thác và phát triển khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn với tổng diện tích 450ha tại Bắc Ninh, Khu công nghiệp Nam Sông Hồng với tổng diện tích 421ha tại Hà Tây. Đây là những khu công nghiệp nằm ở vị trí đắc địa về giao thương, được các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá rất cao, các khu công nghiệp này đang đưa về doanh thu rất lớn cho Công ty chúng ta.
- Bên cạnh đó, SAIGONTEL sẽ triển khai hạ tầng viễn thông tại các KCN và dự án do Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn (SGI) quản lý.

- SAIGONTEL tiếp tục định hướng con đường phát triển bằng việc hợp tác với các Tập đoàn công nghệ hàng đầu trên thế giới.
- Bên cạnh đó, trong năm 2015 Công ty cũng bắt đầu đẩy mạnh việc kinh doanh đối với các dịch vụ và sản phẩm viễn thông cũng như công nghệ số. Theo Quyết định số 2451/QDD-Ttg ngày 27/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Truyền hình kỹ thuật số mặt đất sẽ được triển khai trên toàn quốc trong giai đoạn 2015-2020. Điều này đã tạo ra nhu cầu đột biến về Set top box (STB) cũng như mở ra cơ hội để đưa nội dung số đến với màn hình TV. Trước triển vọng thị trường đầy hứa hẹn, SaigonTel nhanh chóng chớp lấy cơ hội này để trở thành nhà cung cấp các thiết bị STB và IPTV cũng như các nội dung số cho truyền hình, hợp tác với các kênh truyền hình trả tiền hiện hữu trên thị trường, xây dựng hệ thống truyền tải thông tin từ các nhà khai thác mạng nhằm đưa nội dung số cho truyền hình đến với màn hình TV tại các hộ gia đình.
- Với những hướng đi này, cùng những thay đổi linh hoạt tùy vào từng thời điểm, Công ty hy vọng sẽ tiếp tục phát triển và nắm bắt nhanh chóng tất cả các cơ hội có được, quyết tâm đáp ứng nhanh nhất và tốt nhất các nhu cầu của các nhà đầu tư, đối tác, khách hàng về các sản phẩm cũng như dịch vụ viễn thông, bất động sản – khu công nghiệp và truyền thông.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty chủ trương đầu tư vào lĩnh vực Bất động sản với việc bán và cho thuê nhà xưởng, văn phòng tại Khu Công Nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn cũng như việc phát triển các dịch vụ viễn thông để phục vụ cho mục đích phát triển lâu dài và bền vững của Công ty trong thời gian tới.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Công ty đảm bảo rằng vấn đề trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng là phần gắn liền với hệ thống quản lý và văn hóa doanh nghiệp. Trong tất cả các hoạt động của mình, Công ty đảm bảo rằng không gây ra bất cứ ảnh hưởng nào đến môi trường, xã hội và cộng đồng chung.

5.4. Các rủi ro:

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám Đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

5.4.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường

có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

- ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

- ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Hiện tại, công ty không sử dụng công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình

- ***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 501,600,000,000 đồng Việt Nam. Giá cổ phiếu của các Công ty niêm yết không có biến động lớn kể từ ngày 31/12/2014 đến thời điểm lập báo cáo này.

5.4.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

- ***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng phần lớn các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt. Các khoản tài sản tài chính bị suy giảm đã được Công ty lập dự phòng đầy đủ.

- **Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5.4.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

31 tháng 12 năm 2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	71.073.410.576	665.689.222.469	-	736,762,633,045
Phải trả người bán	45.599.520.372	-	-	45.599.520.372
Chi phí phải trả	265.061.394.858	-	-	265.061.394.858

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn, dài hạn khác	40.775.010.905	123.220.541.987	-	163.995.552.892
Tổng cộng	422.509.336.711	788.909.764.456	-	1.211.419.101.167

5.4.4. Các rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, Công ty còn có thể gặp phải những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như lũ lụt, hạn hán, cháy, nổ,... Công ty đã luôn áp dụng những tiêu chuẩn quản lý nghiêm ngặt nên trừ những trường hợp bất khả kháng, các rủi ro này ít khi xảy ra và gần như không có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

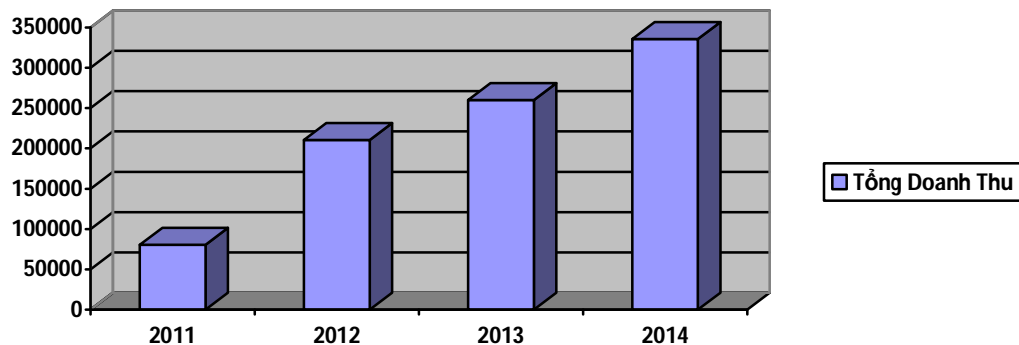
1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Vào thời điểm 31/12/2014, vốn cổ đông thực góp là 740,019,140,000 đồng. Tổng tài sản cuối năm tài chính 2014 đạt 1,833 tỷ đồng, bằng 101.1% so với thời điểm 01/01/2014.

Tổng doanh thu năm 2014 của Công ty là 335.51 tỷ đồng, đạt 95.65% kế hoạch và tăng 1.29 lần so với năm 2013 đã cho thấy kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2014 đã tăng trưởng mạnh so với năm 2013. Đến cuối năm 2014, Lợi nhuận sau thuế của Công ty là 28,65 tỷ đồng tăng 178 lần so với năm 2013, đạt 41% kế hoạch. Lợi nhuận năm 2014 tăng trưởng khả quan tuy nhiên vẫn chưa đạt được chỉ tiêu lợi nhuận đề ra, nguyên nhân là để đảm bảo số liệu trình bày trên báo cáo tài chính năm 2014 là trung thực, hợp lý thì Công ty đã trích lập dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi số tiền 25,4 tỷ, bên cạnh đó nền kinh tế thị trường trong năm vừa qua có dấu hiệu phục hồi nhưng chưa thực sự khởi sắc đã ảnh hưởng đến Công ty và các đối tác lớn trong và ngoài nước của SAIGONTEL.

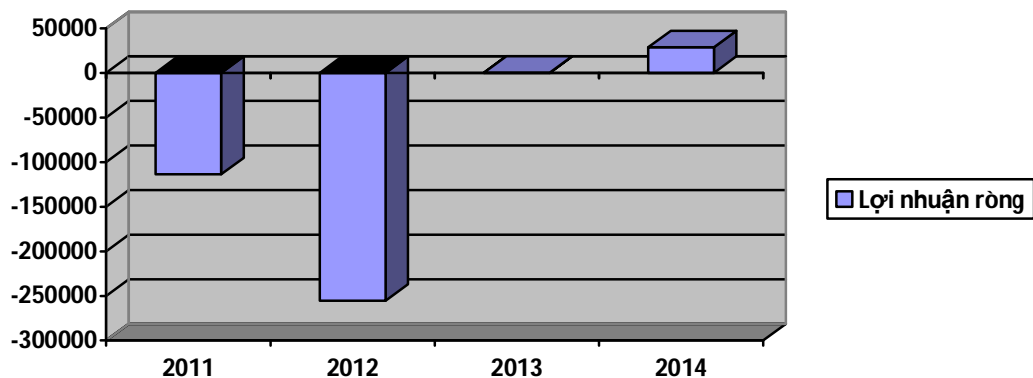
Biểu đồ 1: Doanh thu qua các năm 2011 - 2014

Đvt: Triệu đồng



Biểu đồ 2: Lợi nhuận sau thuế qua các năm 2011 - 2014

Đvt: Triệu đồng



Những thay đổi chủ yếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

Kiên định phương châm “Luôn luôn thay đổi, luôn luôn tiếp nhận những cái mới”, nhiều năm qua, SAIGONTEL luôn tìm tòi, phát triển những sản phẩm mới nhằm mang đến những dịch vụ viễn thông, CNTT và giá trị gia tăng tốt nhất, chất lượng nhất, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các khách hàng.

Trong năm 2014, bên cạnh việc tiếp tục phát triển các hoạt động kinh doanh như kinh doanh và khai thác cơ sở hạ tầng cao ốc Saigon ICT1 tại Công viên Phần mềm Quang Trung, khu ICT Đại Đồng - Hoàn Sơn, cung cấp dịch vụ Internet, kinh doanh và phân phối sản phẩm viễn thông, Công ty cũng đã chính thức triển khai nhiều cơ sở hạ tầng, sản phẩm, dịch vụ mới như:

- *Triển khai hạ tầng viễn thông*: Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng mạng cáp quang tại KCN Quang Châu, KCN Quế Võ mở rộng.

- *Tập trung nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực nội dung số*: Nội dung số là một lĩnh vực đang được quan tâm hiện nay, do đó nhu cầu của khách hàng cũng ngày càng cao, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng nỗ lực tìm ra những hướng đi mới cùng nhiều sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao. Trong năm qua, SAIGONTEL tập trung nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực nội dung số, tích hợp các ứng dụng và nội dung vào thiết bị cầm tay nhằm tăng khả năng cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa dịch vụ ICT chất lượng cao trong ngành.

- *Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT)*: SAIGONTEL đã chính thức mua lại cổ phần từ năm 2011 và trở thành cổ đông lớn của SPT. Đến cuối năm 2014 SAIGONTEL đang nắm giữ 19.50% vốn điều lệ của SPT, đồng thời trực tiếp tham gia điều hành các dự án trọng điểm của SPT, bao gồm: Mạng cáp quang biển AAG, Mạng NGN SPT, Mạng truyền dẫn cáp quang và mạng truyền dẫn Microwave toàn quốc...

- **Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

Tổng doanh thu năm 2014 của Công ty là 335.51 tỷ đồng, đạt 95.65% kế hoạch và tăng 1.29 lần so với năm 2013.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Hội đồng Quản trị (HDQT)

Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Danh sách Hội đồng Quản trị:

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------|
| a. Ông Đặng Thành Tâm | - Chủ tịch HDQT |
| b. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh | - Thành viên HDQT |
| c. Bà Nguyễn Thị Sương | - Thành viên HDQT |
| d. Bà Nguyễn Cẩm Phương | - Thành viên HDQT |
| e. Bà Nguyễn Thị Thu Hương | - Thành viên HDQT |

Danh sách Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|--------------------------------|----------------------------|
| a. Bà Nguyễn Cẩm Phương | - Tổng Giám đốc |
| b. Ông Vũ Ngọc Ánh | - Phó Tổng Giám đốc |

- c. Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh - Phó Tổng Giám đốc

Danh sách Ban Kiểm soát:

- a. Ông Lê Chí Cường - Trưởng Ban Kiểm soát
b. Bà Lê Thị Anh - Thành viên Ban Kiểm soát
c. Bà Sú Ngọc Bích - Thành viên Ban Kiểm soát

Danh sách Kế toán trưởng:

- a. Ông Vũ Quốc Huân - Kế toán trưởng

Lý lịch trích ngang các thành viên của Hội đồng Quản trị:

- a. Ông Đặng Thành Tâm - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

ÔNG ĐẶNG THÀNH TÂM (sinh 1964) kỹ sư Hàng Hải (đại học Hàng Hải, Hải Phòng), từng công tác tại công ty vận tải biển Sài Gòn (1988-1996). Ông học thêm hai ngành luật, quản trị kinh doanh và có bằng cử nhân luật, cử nhân quản trị kinh doanh, Bằng Diploma of Business Management của Trường Henley - Anh Quốc.

Ông là một doanh nhân Việt Nam, được xếp hạng là người giàu nhất ở Việt Nam năm 2007 và thứ ba Việt Nam năm 2008, 2009 và 2010 dựa trên giá trị cổ phiếu sở hữu. Ông là chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc của các công ty đã niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán Việt Nam: Công ty Công nghệ Viễn thông Sài Gòn, Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc.

Ngoài công việc kinh doanh, ông Đặng Thành Tâm còn là Đại biểu Quốc hội khóa XIII.

Lãnh đạo các doanh nghiệp đạt được nhiều thành tích nổi bật:

Cùng với Tập thể Công ty Cổ phần KCN Tân Tạo được tặng: Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2006, Huân chương Lao động hạng Ba năm 2001 cùng nhiều Cờ Thi đua và Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ; Thời gian qua, Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – CTCP đã có những thành tích rất xuất sắc trong công tác và đã được ghi nhận, khen thưởng xứng đáng: Được tặng Huân chương Lao động Hạng Ba khi mới 5

năm tuổi. Đây là một danh hiệu vô cùng cao quý đối với một doanh nghiệp khi đó mới 5 tuổi; 7 năm liên tiếp (2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010) được tặng Cờ thi đua xuất sắc dẫn đầu của Chính phủ; Đã được tặng nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh và của các Bộ Ban ngành Trung ương và địa phương; Là doanh nghiệp đại chúng có mã chứng khoán KBC đã lọt vào danh sách Top 10 mã chứng khoán uy tín nhất Việt Nam do Standard & Poor's (Tổ chức đánh giá tài chính hàng đầu thế giới của Hoa Kỳ) bình chọn; Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc cũng đã vinh dự nhận được rất nhiều danh hiệu, giải thưởng danh giá: trong đó tiêu biểu là Top 10 Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt dành cho 10 thương hiệu nổi tiếng và đứng đầu mỗi ngành. KBC là đơn vị đứng đầu lĩnh vực Bất động sản của Việt Nam lọt vào TOP 10 Giải thưởng này; Giải thưởng doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu ba nước Lào – Campuchia – Việt Nam; Cúp vàng “Văn hóa doanh nghiệp”; và là 1 trong 23 doanh nghiệp toàn ASEAN được tặng giải thưởng Doanh nghiệp xuất sắc nhất ASEAN 2010.

Thành tích của cá nhân:

Đã được tặng Huân chương Lao động hạng Nhất; Huân chương Lao động hạng Nhì; Huân chương Lao động hạng Ba; Được công nhận Danh hiệu Chiến sĩ Thi đua Toàn quốc; Được tặng 3 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Nhân kỷ niệm lần thứ 76 ngày sinh của Nhật Hoàng và 20 năm Nhật Hoàng đăng quang, đã được ngài Mitsuo Sakaba – Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam trao tặng Bằng khen của Nhật Hoàng và Kỷ niệm chương ghi nhận sự đóng góp to lớn vào sự phát triển của mối quan hệ Nhật – Việt và trở thành doanh nhân duy nhất của Việt Nam từ trước tới nay vinh dự nhận được phần thưởng cao quý này; Được tặng nhiều Bằng khen của các Bộ, ngành, UBND các Tỉnh, Thành, các Tổ chức, Hiệp hội; Nhiều năm liên được công nhận là Chiến sĩ Thi đua cơ sở và được công nhận Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Tỉnh năm 2008.

Từ năm 2003 đến nay, liên tục giữ Danh hiệu Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu và Cúp Thánh Gióng; Được Đài Truyền hình Việt Nam chọn là Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu để mời phỏng vấn và phát sóng chương trình 30 phút trên VTV1; Được tín nhiệm bầu là Chủ tịch CLB Sao Vàng Đất Việt, Đồng Chủ tịch Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Nhật Bản (Diễn đàn do Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn thành lập), Phó Chủ tịch Hội Phát triển Hợp tác Kinh tế Việt Nam – Lào – Campuchia, được Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bổ nhiệm làm Thành viên chính thức Hội đồng Tư vấn Kinh doanh APEC (ABAC), được bổ nhiệm là thành viên Hội đồng Tư vấn cao cấp Chương trình Hành động hậu WTO của Chính phủ, và là thành viên tư vấn đối

tác chiến lược trong Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF GCC Partner member advisory board).

b. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Thành viên Hội đồng Quản trị

Học vấn: Cử nhân kinh tế.

Chức vụ:

- Là Thành viên HĐQT Công ty từ năm 2014 đến nay.

Quá trình công tác :

- Từ năm 1992 đến 1994 : Làm việc ở Hãng Hàng không Pacific Airlines.
- Từ năm 1994 đến 2002 : Làm việc ở Hãng Hàng không Vietnam Airlines.
- Từ năm 2002 đến nay : Phó Tổng Giám Đốc Công Ty CP Du Lịch Sài Gòn.

c. Bà Nguyễn Thị Sương - Thành viên Hội đồng Quản trị

Học vấn: Cử nhân kinh tế.

Các chức vụ công tác hiện nay:

- Là Thành viên HĐQT Công ty CP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn – Mã CK: SGT
- TGD Công Ty CP Truyền Thông Sắc Màu Sài Gòn.

Quá trình công tác :

- Từ năm 1989 đến 1993 : Công Ty Lega 4 – Kế toán tổng hợp.
- Từ năm 1993 đến 2001 : Công Ty Visingspack – Kế toán công nợ và ngân hàng.
- Từ năm 2001 đến 2005 : Tập đoàn đầu tư công nghiệp Tân Tạo – Kế toán ngân hàng.
- Từ năm 2006 đến 2009 : Cty CP Đầu Tư & Công Nghiệp Tân Tạo – Kế toán Trưởng
- Từ năm 2008 đến 2011 : Cty CP Đầu Tư & CN Tân Tạo – Phó TGD Tài Chính
- Từ năm 2011 đến 2012 : Công Ty CP TM & DV Châu Mỹ -Phó Giám Đốc kiêm Kế toán trưởng.
- Từ năm 2013 đến nay : Công Ty CP Truyền thông Sắc Màu Sài Gòn -Tổng Giám Đốc.

d. Bà Nguyễn Cẩm Phương – Thành viên Hội đồng Quản trị

Học vấn: Cử nhân Luật, nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý điều hành tại các công ty trong nhiều lĩnh vực.

Chức vụ:

- Là Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 04/12/2012 đến nay.
- Bà hiện kiêm nhiệm nhiều vị trí tại các công ty trực thuộc Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn.

e. Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thành viên Hội đồng Quản trị

Học vấn: Tiến sĩ Khoa học Kinh tế, Thạc sĩ QTKD. Bà Hương có gần 20 năm kinh nghiệm quản lý điều hành trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài, khu công nghiệp.

Chức vụ:

- Là Thành viên HĐQT.
- Hiện nay, Bà kiêm nhiệm nhiều vị trí quản lý trong Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc, Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Kinh Bắc.

Lý lịch trích ngang của Ban Tổng Giám đốc:

a. Bà Nguyễn Cẩm Phương – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc

Xem phần HĐQT

b. Ông Vũ Ngọc Ánh - Phó Tổng giám đốc

Học vấn: Kỹ sư Giao thông

Chức vụ:

- Là Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn
- Ông đồng thời cũng là Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn tại Bắc Ninh

c. Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh - Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính

Học vấn: Cử nhân kinh tế.

Các chức vụ công tác hiện nay:

- Là Thành viên HĐQT Công ty CP Phân Phối Và Dịch Vụ SaigonTel.
- Là Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV SaigonTel

Quá trình công tác :

- Từ năm 2008 đến 2010 : Làm việc tại Ngân Hàng TMCP Phương Tây.
- Từ năm 2010 đến 2011 : Làm việc tại Công Ty CP Chứng Khoán TP.HCM.
- Từ năm 2011 đến 2013 : Ngân Hàng TMCP Phương Tây – Trưởng phòng khách hàng

doanh nghiệp lớn.

- Từ 8/2013 đến 9/2014 : Ngân Hàng TMCP Nam Việt – Trưởng Phòng quan hệ khách hàng

- Từ 12/2014 đến nay : Công ty CP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn – Phó Tổng Giám Đốc phụ trách tài chính.

Lý lịch trích ngang của Ban Kiểm soát:

a. Ông Lê Chí Cường – Trưởng Ban Kiểm soát

Học vấn: Cử nhân Kinh tế, có trên 14 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành kế toán, kiểm toán.

Chức vụ:

- Là Thành viên Ban Kiểm soát Công ty từ năm 2007.

- Hiện nay, Ông là Kế toán trưởng Công ty CP Phát triển Trường Đại học Hùng Vương.

b. Bà Sú Ngọc Bích – Thành viên Ban Kiểm soát

Học vấn: Cử nhân tài chính – kế toán.

Các chức vụ công tác hiện nay:

- Kế toán trưởng Công Ty CP ĐTXD & VLXD Sài Gòn.

- Kế toán trưởng Công Ty CP Năng Lượng Sài Gòn – Bình Định.

Quá trình công tác :

- Từ năm 1998 đến 1999 : Làm việc tại Công ty TNHH XD GT Đức Hạnh.

- Từ năm 1999 đến 2001 : Làm việc tại Công ty TNHH QC Hoàng Long.

- Từ năm 2001 đến 2004 : Làm việc tại Công ty CP Đầu Tư Ma san.

- Từ 7/2004 : Làm việc tại CTy CP ĐTXD & VLXD Sài Gòn.

c. Bà Lê Thị Anh - Thành viên Ban Kiểm soát

Học vấn: Cử nhân Kinh tế - Cử nhân ngoại ngữ, nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các Công ty thuộc Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn

Chức vụ:

- Là Thành viên Ban Kiểm soát Công ty từ năm 2013

- Hiện nay, bà đang là Giám đốc Hành chính – Nhân sự tại Công ty Cổ phần Đầu tư Sài

Gòn

2.2. *Thay đổi thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát trong năm 2014*

Năm 2014, Công ty có sự thay đổi nhân sự Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng ban Kiểm soát như sau:

- Ngày 26/06/2014: Ông Đặng Nhứt và Ông Nguyễn Vĩnh Thọ xin thôi vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất bầu bà Nguyễn Thị Kim Thanh và Bà Nguyễn Thị Sương giữ vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị.
- Ngày 26/06/2014: Bà Trần Thị Huyền Anh xin thôi vị trí Thành viên Ban Kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất bầu bà Sú Ngọc Bích vào vị trí Thành viên Ban Kiểm Soát.

2.3. *Thay đổi thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng*

Năm 2014, Công ty có sự thay đổi nhân sự Thành viên Ban điều hành như sau:

- Hội đồng Quản trị đã thống nhất bổ nhiệm ông Lê Nguyễn Hoàng Anh giữ vị trí Phó Tổng Giám Đốc phụ trách tài chính Công ty.

2.4. *Số lượng cán bộ, nhân viên. Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.*

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2014 là: 148 CB-NV, trong đó:

Số lượng CB - NV làm việc tại Văn phòng Công ty và Chi nhánh là: 128 CB-NV.

Số lượng CB - NV làm việc tại Công ty con là: 20 CB-NV.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Trong quá trình hoạt động, sản xuất kinh doanh, Công ty luôn xem CB - NV là tài sản quý giá của doanh nghiệp, là một trong những nhân tố giúp doanh nghiệp phát triển cũng như đạt được các mục tiêu kinh doanh. Chính vì vậy, Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cụ thể như:

Phỏng vấn, đánh giá và lựa chọn nhân sự phù hợp với yêu cầu công việc. Bố trí nhân sự đúng người, đúng việc.

Thường xuyên tổ chức đào tạo và nâng cao kỹ năng, kiến thức cho CB - NV; Khuyến khích và tạo điều kiện cho CB - NV tham gia vào các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật và nội quy, quy định của Công ty trong suốt quá trình làm việc.

Luôn lắng nghe ý kiến của các nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động, các sự kiện vui chơi tập thể nhằm tạo tinh thần đoàn kết, giao lưu học hỏi giữa các CB - NV với nhau.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Gắn liền với chính sách nhân sự của Công ty, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đặc biệt quan tâm đến chính sách lương, thưởng và các chế độ phúc lợi xã hội.

Hàng năm, Ban Lãnh đạo Công ty đều họp xét và đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình nhân sự, thành tích đóng góp của từng CB - NV để có những chính sách tăng lương, khen thưởng phù hợp và công bằng. Công ty cũng khen thưởng CB-NV nhân các ngày lễ lớn và thưởng theo năng suất công việc đạt được.

Về các chính sách lương, thưởng và phúc lợi xã hội, Công ty luôn tuân thủ theo những quy định của Pháp luật trong suốt quá trình vận hành. Mức lương cơ bản làm cơ sở để thực hiện các chế độ về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp Công ty áp dụng luôn cao hơn so với mức lương cơ bản mà Nhà nước quy định. Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động và trách nhiệm xã hội theo quy định của Pháp luật: thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp ngân sách (thuế, Bảo hiểm xã hội...).

Công ty tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB - NV. Đây là một chế độ phúc lợi đặc biệt đang được Pháp luật khuyến khích.

Tổ chức thăm khám sức khỏe định kỳ cho CB-NV hàng năm.

Tổ chức tham quan - nghỉ mát hàng năm cho CB-NV và gia đình hàng năm.

Tổ chức và tặng quà sinh nhật cho CB-NV.

Công ty phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở thường xuyên tổ chức thăm hỏi CB-NV gặp khó khăn, hiếu hỷ, ốm đau; tổ chức các hoạt động gắn kết tình đồng nghiệp giữa CB-NV với nhau...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Tổng giá trị đầu tư của Công ty đến thời điểm cuối năm 2014 là 713.81 tỷ đồng. Đồng thời trong năm 2014, Công ty có thành lập thêm 2 Công ty con là Công ty CP Phân phối và Dịch vụ SaigonTel và Công ty TNHH Một Thành Viên SaigonTel :

- Công ty CP Phân Phối và Dịch Vụ SaigonTel**

Giấy CNĐKKD số: 0313042600

cấp ngày: 06/12/2014

tại: TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 4, số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: Fax:

Vốn điều lệ: 30 tỷ VNĐ, trong đó SAIGONTEL góp 70%

Lĩnh vực hoạt động chính: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

- **Công ty TNHH Một Thành Viên SaigonTel**

Giấy CNĐKKD số: 0106684254 cấp ngày: 06/11/2014 tại: TP. Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 3 – số 193. Đường Trích Sài, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

Điện thoại: Fax:

Vốn điều lệ: 20 tỷ VNĐ, trong đó SAIGONTEL góp 100%

Lĩnh vực hoạt động chính: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1,813,085,224,316	1,832,917,864,788	1.09%
Doanh thu thuần	206,559,157,557	221,066,176,392	7.02%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12,389,814,226	24,642,694,397	98.89%
Lợi nhuận khác	67,430,652	7,446,195,856	10,942.75%
Lợi nhuận trước thuế	12,457,244,878	32,088,890,253	157.59%
Lợi nhuận sau thuế	160,679,277	28,656,864,000	17,734.82%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0.590	1.932	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0.579	1.782	

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.7747	0.7615	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3.4383	3.1928	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	33.30	4.036	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.1139	0.1206	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.00078	0.12963	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.00039	0.06555	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.00009	0.01563	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.060	0.111	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tính đến thời điểm 31/12/2014, Công ty đã phát hành và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh 74.001.914 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 74.001.604 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ Công ty mua lại: 310 cổ phần

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Đặng Thành Tâm	022756956	6/35D, Bình Khánh 3, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh	17,530,370	23.69%
2	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh	2300233993	Lô B7, Khu Công Nghiệp Quế Võ, Xã Phương Liễu,	15,896,923	21.48%

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
	Bắc - CTCP		Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh		
3	Nguyễn Thị Kim Xuân	IS8955	69, Bà Huyện Thanh Quan, Phường 6, Quận 3, TP.HCM	7,452,178	10.07%
4	Phạm Thị Lê	025225563	371/17 Hai Bà Trưng, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	3,723,654	5.03%

Bảng: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ 5% vốn cổ đông lớn trở lên

b) Cơ cấu cổ đông:

ST T	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI					
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	44,603,125	60.27%	4	1	3
	- Trong nước	37,150,947	50.20%	3	1	2
	- Nước ngoài	7,452,178	10.07%	1	-	1
4	Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	310	0.00%	1	1	
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)					
7	Cổ đông khác	29,398,479	39.73%	1,570	56	1,514
	- Trong nước	27,170,150	36.71%	1,407	47	1,360
	- Nước ngoài	2,228,329	3.02%	163	9	154
TỔNG CỘNG		74,001,914	100.00%	1,574	57	1,517
Trong đó: - Trong nước		64,321,407	86.91%	1,410	48	1,362
- Nước ngoài		9,680,507	13.09%	164	9	155

Bảng: Cơ cấu vốn cổ đông tại thời điểm ngày 30/03/2015

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Công ty không phát hành thêm cổ phiếu, không tiến hành tăng vốn điều lệ.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Hiện tại Công ty chỉ có tổng cộng 310 cổ phiếu quỹ, toàn bộ số cổ phiếu này là cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình phát hành thêm cổ phiếu, được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ. Trong năm 2014, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác:

Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- **Văn phòng Công ty**

- Tổng doanh thu : 204.5 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 11.85 tỷ đồng

Trong năm 2014, Công ty vẫn khai thác tòa nhà Saigon ICT Tower tại Công viên Phần mềm Quang Trung (TP.HCM) với công suất sử dụng mặt bằng đạt 70%. Tại thời điểm hiện tại, một số khách hàng đang có nhu cầu thuê thêm diện tích để sử dụng dự kiến sẽ đạt được 80% diện tích mặt bằng.

Hoạt động kinh doanh Internet tốc độ cao ở các khu công nghiệp VSIP (Bình Dương) Quế Võ, Đại Đồng Hoàn Sơn (Bắc Ninh), Quang Châu (Bắc Giang) vẫn đang tiến triển tốt đẹp mặc dù có sự cạnh tranh gay gắt với các nhà cung cấp lớn như VNPT, Viettel,... Trong năm 2014, Bộ phận hạ tầng viễn thông của công ty tiếp tục triển khai đầu tư mạng cáp quang, mở rộng thêm hệ thống khách hàng ở khu vực miền Bắc như Hà Nội, Bắc Ninh,...ở KCN Quang Châu đẩy mạnh việc cung cấp các sản phẩm đa dịch vụ cho các doanh nghiệp lớn trong khu vực tiềm năng này, từng bước khẳng định nền tảng cho một công ty công nghệ.

Đồng thời trong năm 2014, với việc mở rộng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực phân phối các sản phẩm viễn thông như dây cáp ống lồng, cáp đồng trục, dây nhảy và các thiết bị viễn thông cho Viettel và hệ thống Viettel Global, doanh thu từ các hoạt động này đã đóng góp 40% trong tổng doanh thu của công ty. Cùng với hoạt động phân phối các sản phẩm điện thoại và thiết bị điện tử hiện đang đem lại 20% doanh thu cho văn phòng công ty, hoạt động phân phối sản phẩm viễn thông đang được xem là một trong những hoạt động chính và được định hướng là cơ sở để tạo ra nguồn doanh thu và lợi nhuận ổn định cho toàn công ty.

Tuy nhiên, trong năm 2014 nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính nói riêng vẫn chưa thực sự vượt qua được giai đoạn khó khăn và điều này khiến một số hoạt động của Công ty phải hoạt động cầm chừng. Đợt khi nền kinh tế thực sự phục hồi, hệ thống Công

ty cũng hoàn thiện hơn, hứa hẹn mang lại nhiều kết quả khả quan trong kinh doanh.

- **Chi nhánh Bắc Ninh**

- Tổng doanh thu : 136.58 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 20.24 tỷ đồng

Doanh thu trong năm 2014 của Chi nhánh Bắc Ninh tăng nhanh so với năm 2013, nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2013, Chi nhánh Bắc Ninh chỉ duy trì nguồn khách hàng tại Khu công nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn sau khi hoàn thành các giai đoạn đầu tư cơ sở hạ tầng và thu hút một lượng lớn nhà đầu tư trong năm 2012 nên doanh thu không lớn lắm. Đến năm 2014, bằng việc cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng có sẵn và tiến hành xây dựng và đưa vào sử dụng nhà máy cung cấp nước sạch tại Khu công nghiệp, chi nhánh Bắc Ninh đã thu hút được thêm một lượng khách hàng mới đồng thời có thêm nguồn thu từ hoạt động của nhà máy nước sạch. Tuy nhiên, do việc cải tạo hệ thống và xây mới nhà máy dẫn đến chi phí phát sinh trong năm khá cao dẫn đến việc lợi nhuận trong năm giảm so với năm 2013.

Đồng thời trong thời gian vừa qua, với việc Công ty đã được chính quyền địa phương phê duyệt hồ sơ xin thay đổi mục đích sử dụng đất, ký lại hợp đồng thuê đất và điều chỉnh tăng thời hạn thuê đất. Thành công này đã làm lợi cho Công ty rất nhiều về mặt kinh tế, đồng thời tạo niềm tin rất lớn đối với các nhà đầu tư đã và đang thuê đất của Công ty.

Bên cạnh đó, công ty cũng đang tiếp tục đẩy mạnh việc kêu gọi, thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp Nam Sông Hồng với tổng diện tích 421ha tại Hà Tây.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

TÀI SẢN	31/12/2014	31/12/2013	Biến động	
			(+ ; -)	(%)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	1,001,007,655,961	458,862,100,654	542,145,555,307	118.15%
Tiền và các khoản tương đương tiền	33,660,343,399	13,380,813,371	20,279,530,028	151.56%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-		
Phải thu ngắn hạn	862,870,504,654	427,220,765,797	435,649,738,857	101.97%
Hàng tồn kho	77,457,654,293	8,274,877,465	69,182,776,828	836.06%
Tài sản ngắn hạn khác	27,019,153,615	9,985,644,021	17,033,509,594	170.58%

TÀI SẢN DÀI HẠN	831,910,208,827	1,354,223,123,662	(522,312,914,835)	-38.57%
Tài sản cố định	81,818,307,473	333,385,601,211	(251,567,293,738)	-75.46%
Bất động sản đầu tư	22,523,857,016	10,193,664,574	12,330,192,442	120.96%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	713,813,329,816	999,650,875,182	(285,837,545,366)	-28.59%
Tài sản dài hạn khác	13,754,714,522	10,992,982,695	2,761,731,827	25.12%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,832,917,864,788	1,813,085,224,316	19,832,640,472	1.09%

Cơ cấu tài sản thay đổi đáng chú ý năm 2014:

- Tài sản dài hạn giảm 522,312,914,835 đồng (tương ứng 38.57%): nguyên nhân là do giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang, Đồng thời trong năm Công ty đã chuyển nhượng một phần cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT), Chuyển nhượng 8 triệu cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà Máy Điện Sài Gòn-Bình Thuận, Thanh lý toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty CP Địa ốc Nam Việt.
- Tài sản ngắn hạn tăng 542,145,555,307 đồng (tương ứng 118.15%): nguyên nhân chủ yếu của khoản tăng này là do các khoản phải thu ngắn hạn tăng mạnh 435,649,738,857 đồng, do trong năm 2014 Công ty đẩy mạnh hoạt động phân phối các sản phẩm viễn thông, đồng thời do hoạt động phân phối này dẫn đến Hàng tồn kho cũng tăng 69,182,776,828 đồng trong năm 2014.

b) Tình hình nợ phải trả

NỢ PHẢI TRẢ	31/12/2014	31/12/2013
NỢ NGẮN HẠN	518,171,772,676	777,869,079,062
Vay và nợ ngắn hạn	71,073,410,576	206,478,490,441
Phải trả người bán	45,599,520,372	15,540,644,025
Người mua trả tiền trước	45,116,701,170	15,847,884,487
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2,563,339,184	5,264,016,663
Phải trả người lao động	-	-
Chi phí phải trả	315,416,558,296	423,408,476,671
Các khoản phải trả, phải nộp khác	40,775,010,905	113,202,854,944
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(2,396,332,936)	(1,873,288,170)
NỢ DÀI HẠN	877,584,392,077	626,711,309,219
Vay và nợ dài hạn	665,689,222,469	538,285,402,545

Thuế thu nhập hoãn lại	27,337,259,004	25,658,158,312
Doanh thu chưa thực hiện	1,261,799,826	669,809,762
Phải trả dài hạn khác	183,296,110,778	62,097,938,600

Cơ cấu nợ của năm 2014 đã thay đổi đáng kể từ ngắn hạn sang dài hạn so với năm 2013. Ban Tổng Giám Đốc Công ty đánh giá rằng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Phân chia lại các khối và bộ phận trong Công ty nhằm chuyên môn hóa việc thực hiện các công việc hàng ngày
- Cập nhật và điều chỉnh các biện pháp về quản lý nhân sự, thiết bị cũng như có các quy định nội bộ nhằm kiểm soát chặt chẽ chi phí.

4. Triển vọng phát triển trong tương lai

• Thuận lợi:

Là thành viên của Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn (SGI) - một trong những tập đoàn công chúng đa ngành hàng đầu Việt Nam với tiềm lực tài chính mạnh mẽ cùng năng lực, uy tín quốc tế là một trong những thuận lợi đầu tiên của SAIGONTEL.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, SAIGONTEL luôn chứng tỏ tiềm lực phát triển mạnh mẽ và việc thực thi sứ mạng “Trở thành một doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực CNTT- viễn thông” như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong mọi phương châm, chiến lược và hành động của Công ty.

Với tầm nhìn xa trông rộng cùng sự nhanh nhạy nắm bắt thời cơ của Ban Lãnh đạo Công ty; sự phấn đấu, nỗ lực không ngừng của toàn thể CB-CNV cùng những nền tảng phát triển trong lĩnh vực viễn thông, CNTT và truyền thông, nhiều năm qua SAIGONTEL đã đạt được những thành tích đáng khích lệ như: Giải thưởng Quả cầu vàng năm 2008, 2009; giải thưởng Doanh nghiệp Vì cộng đồng 2009; “Thương hiệu kinh tế đối ngoại uy tín” 2009; giải thưởng Thương hiệu Chứng khoán uy tín năm 2009, 2010; Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR 500) nhiều năm liền; Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2010; giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2010, 2011; là 1 trong số 120 doanh nghiệp dẫn đầu Thương hiệu mạnh Việt Nam 2010, 2011... Đặc biệt, trong năm 2011, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty cũng đạt được một số giải thưởng như: Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu 2011, Thương hiệu mạnh, Sao Vàng đất Việt; giải thưởng “Ernst & Young - Bản lĩnh doanh nhân lập nghiệp” của ông Đặng

Thành Tâm, CT HĐQT Công ty...

Một thuận lợi nữa là lĩnh vực, ngành nghề hoạt động mà Công ty theo đuổi luôn đạt được những kết quả nhất định như ngành CNTT, truyền thông vẫn giữ tốc độ tăng trưởng cao trong bối cảnh kinh tế khó khăn; Doanh thu ngành nội dung số của Việt Nam năm 2013 đạt khoảng 20,400 tỷ đồng và có tốc độ tăng trưởng hàng năm cao, hứa hẹn là một thị trường rất tiềm năng về tăng trưởng và sinh lợi cao... Đặc biệt, CNTT - Viễn thông cũng là ngành được Chính phủ tập trung phát triển theo tầm nhìn đến năm 2020.

- **Hạn chế:**

Do hoạt động của Công ty trải rộng trên nhiều ngành nghề nên nguồn lực bị phân tán. Đội ngũ nhân sự của Công ty chưa theo kịp tiến độ các dự án. Một số chính sách vĩ mô cũng ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, tình hình kinh tế chung cũng là một trong những khó khăn trong việc phát triển các dự án của Công ty.

tuy nhiên trong năm 2014, Công ty đã tập trung nguồn lực vào các dự án cụ thể đặc biệt chú trọng vào mảng công nghệ viễn thông như là kim chỉ nam cho các hoạt động sắp tới của Công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Tại thời điểm 31/12/2014, vốn cổ đông thực góp là 740,019,140,000 đồng. Tổng tài sản cuối năm tài chính 2014 đạt 1,833 tỷ đồng, bằng 101.1% so với thời điểm 01/01/2014.

Tổng doanh thu năm 2014 của Công ty là 335.51 tỷ đồng, đạt 95.65% kế hoạch và tăng 1.29 lần so với năm 2013 đã cho thấy kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2014 đã tăng trưởng mạnh so với năm 2013. Đến cuối năm 2014, Lợi nhuận sau thuế của Công ty là 28,65 tỷ đồng tăng 178 lần so với năm 2013. Lợi nhuận sau thuế của Công ty là 28,65 tỷ đồng tăng 178 lần so với năm 2013, đạt 41% kế hoạch. Lợi nhuận năm 2014 tăng trưởng khả quan tuy nhiên vẫn chưa đạt được chỉ tiêu lợi nhuận đề ra, nguyên nhân là để đảm bảo số liệu trình bày trên báo cáo tài chính năm 2014 là trung thực, hợp lý thì Công ty đã trích lập dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi số tiền 25,4 tỷ, bên cạnh đó nền kinh tế thị trường trong năm vừa qua có dấu hiệu phục hồi nhưng chưa thực sự khởi sắc đã ảnh hưởng đến Công ty và các đối tác lớn trong và ngoài nước của SAIGONTEL.

Hoạt động của Công ty trong năm 2014 đã được thực hiện đúng định hướng, đúng kế

hoạch, phù hợp với quan điểm và chủ trương của Hội đồng Quản trị và Đại hội Cổ đông đã đề ra trong các lĩnh vực hoạt động. Tuy nhiên, trong năm 2014 Công ty vẫn chưa đạt được chỉ tiêu tăng trưởng doanh số đề ra là do:

- Thứ nhất, do kinh tế vẫn chưa hoàn toàn hồi phục sau đợt khủng hoảng vừa qua đã ảnh hưởng đến Công ty và các đối tác lớn trong và ngoài nước nên một số dự án lớn của Công ty không thể triển khai đúng kế hoạch, doanh thu và lợi nhuận của các hoạt động kinh doanh khác cũng gặp nhiều khó khăn do tình hình kinh tế chung.
- Đồng thời, Công ty đang bước vào giai đoạn tái cơ cấu mạnh mẽ trong tất cả mọi lĩnh vực để phù hợp với tình hình khó khăn chung, do vậy một số hoạt động kinh doanh của công ty đã bị ảnh hưởng ít nhiều.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám Đốc công ty trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế thị trường, Ban Tổng Giám Đốc vẫn đưa Công ty hoạt động ổn định và bền vững. Ban Tổng Giám Đốc Công ty đã thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

a. Kế hoạch, định hướng năm 2015 khối văn phòng SAIGONTEL

➤ Bộ phận Hành chính - Nhân sự:

Hoàn thiện hệ thống thang lương, bảng lương theo quy định của Pháp luật trên cơ sở đánh giá lại mức độ của từng vị trí công việc, đồng thời vận dụng các chính sách liên quan nhằm đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng.

Tiếp tục hoạt động tái cấu trúc nhân sự và đánh giá, chuẩn hóa vị trí nhân sự nhằm phát huy hiệu quả năng lực và trình độ của từng CB - NV.

Tiếp tục tổ chức các khóa học ngắn hạn bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ nhân sự kế thừa, huấn luyện chuyên môn nâng cao cho nhân sự theo yêu cầu của từng bộ phận.

Xây dựng các chương trình hoạt động nội bộ bên cạnh các hoạt động hướng ngoại nhằm đẩy mạnh tinh thần làm việc, đoàn kết giữa các nhân viên công ty thuộc các Phòng, Ban trong Công ty.

➤ **Bộ phận Marketing - Truyền thông:**

Xây dựng kế hoạch marketing để tiếp tục quảng bá thương hiệu SAIGONTEL.

Khảo sát và đánh giá thị trường để có định hướng chiến lược phù hợp, lâu dài và ổn định.

Triển khai các chương trình duy trì hình ảnh, thương hiệu qua các chương trình, sự kiện với nhiều hình thức phong phú như: tham gia các cuộc thi, bình chọn thương hiệu Công ty, thương hiệu sản phẩm nhằm khẳng định vị trí và uy tín của thương hiệu SAIGONTEL, tổ chức các sự kiện lớn cho các CB-NV, khách hàng...

Tổ chức thực hiện các kênh truyền thông hiệu quả, chi phí hợp lý.

Đẩy mạnh công tác truyền thông nội bộ, xây dựng văn hóa và tinh thần đoàn kết giữa các phòng ban trong Công ty thông qua các hoạt động, chương trình nội bộ...

➤ **Bộ phận Tài chính:**

Điều hành hoạt động tài chính - kế toán theo quy định của pháp luật. Thực hiện tốt và đầy đủ các chức năng Kế toán Quản trị, Tài chính doanh nghiệp giúp Ban Điều hành quản lý chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

➤ **Bộ phận Telecom và ISP:**

Trong năm 2015, Công ty cũng tiếp tục tập trung phát triển trong lĩnh vực nội dung số, hướng tới đẩy mạnh đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh cũng như tham gia vào lĩnh vực phân phối thiết bị cầm tay chất lượng cao trong ngành viễn thông... Theo thống kê, doanh thu nội dung số của Việt Nam năm 2013 đạt khoảng 1 tỷ USD. Với tốc độ tăng trưởng hàng năm là 35-40%, đây là một thị trường rất tiềm năng về tăng trưởng và sinh lợi cao. Chính vì vậy, hướng đi này cho thấy định hướng chiến lược của SAIGONTEL là rất đúng đắn và nhiều hứa hẹn.

➤ **Bộ phận Hạ Tầng Viễn thông:**

- **Trọng tâm thị trường:** tập trung vào khách hàng doanh nghiệp, tổ chức, đối tác, ưu tiên phát triển khách hàng trong các KCN do tập đoàn SGI đầu tư, quản lý.
- **Định hướng khách hàng:** bán thứ khách hàng cần, từng bước chủ động cung cấp dịch vụ kết hợp với bán lại dịch vụ, chú trọng về giải pháp và chăm sóc khách hàng.

Với các khách hàng lớn, tiềm năng và các khu vực tiềm năng được là đơn vị duy nhất triển khai hạ tầng bên trong sẽ đầu tư hạ tầng để phát triển khách hàng lâu dài, bền vững.

- **Định hướng dịch vụ:** bán gói dịch vụ tổng thể trong đó:
 - Dịch vụ trọng tâm: Truy cập Internet băng thông rộng, Internet LeasedLine, kênh thuê riêng (nội hạt, liên tỉnh, quốc tế), kênh quang trắng P2P (Point to Point)

- o Các dịch vụ kèm theo: Online Data Service (ODS); Tích hợp hệ thống SI; Media, Voice và các dịch vụ VAS khác; bảo trì, bảo dưỡng và thi công các công trình Viễn thông

b. Kế hoạch, định hướng năm 2015 của các Chi nhánh và Công ty thành viên

➤ **Chi nhánh Bắc Ninh:**

Tiếp tục thu hút các nhà đầu tư mới đối với khu nhà xưởng văn phòng tại Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn và hoàn thiện các Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật cho các dự án khác ở khu vực miền Bắc; Đồng thời thúc đẩy nhanh tiến độ triển dự án Cụm Công nghiệp Nam Sông Hồng.

➤ **Công ty CP Phân Phối và Dịch Vụ SaigonTel**

Trong năm 2015, Công ty cổ phần Phân phối và Dịch vụ Saigontel sẽ tập trung triển khai một số các lĩnh vực mới tiềm năng như:

- Hợp tác với các đối tác Nhật Bản trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu thực phẩm chức năng để phân phối tại thị trường Việt Nam
- Tìm kiếm các HĐ cung cấp văn phòng phẩm
- Cho thuê mặt bằng tại các địa điểm như 300 A-B Nguyễn Tất Thành, 12 Phạm Đình Toái...

Bên cạnh việc mở rộng và phát triển các hoạt động mới, Công ty cổ phần Phân phối và Dịch vụ Saigontel vẫn tiếp tục đẩy mạnh việc phân phối các thiết bị điện thoại và điện tử với cơ sở nền tảng cho hoạt động của Công ty.

➤ **Công ty TNHH Một Thành Viên SaigonTel**

Định hướng khách hàng: tập trung vào khách hàng doanh nghiệp, tổ chức lớn với các nhu cầu thường xuyên về các sản phẩm viễn thông như Viettel, Saigontourist, Bộ Công an

Định hướng sản phẩm: Hiện nay bộ phận trading chủ yếu cung cấp dây cáp các loại cho khách hàng, tuy nhiên dự kiến trong thời gian tới sẽ mở rộng các mặt hàng sản phẩm hơn nữa như Battery, Set-top box, Camera và các thiết bị khác nhằm đáp ứng được các nhu cầu đa dạng của khách hàng.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị SGT tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	TV HĐQT ĐỘC LẬP	TV HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH	TV HĐQT ĐIỀU HÀNH	GHI CHÚ
1	Ông Đặng Thành Tâm	Chủ tịch HĐQT		x		Cổ đông lớn của Công ty kiêm Chủ tịch HĐQT của Công ty liên kết (*)
2	Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT	x	x		Cổ đông công ty với tư cách cá nhân
3	Bà Nguyễn Thị Sương	Thành viên HĐQT	x	x		Cổ đông công ty với tư cách cá nhân
4	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT		x		Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám Đốc Tổng Công ty liên kết (**)
5	Bà Nguyễn Cẩm Phương	Thành viên HĐQT	x		x	Tổng Giám Đốc

(*) Ông Đặng Thành Tâm hiện là Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn.

(**) Bà Nguyễn Thị Thu Hương hiện là Tổng Giám Đốc của Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hiện nay Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Tại các cuộc họp định kỳ hàng quý, HĐQT chỉ ban hành Nghị quyết đối với các vấn đề cần thiết, đối với những cuộc họp định kỳ thông thường chỉ có Biên bản họp HĐQT. Sau

đây là một số những Nghị quyết, Quyết định quan trọng đã được ban hành trong năm 2014:

STT	Số nghị quyết/quyết định	Ngày họp	Nội dung
01	0906/2014/NQ-SGT	09/06/2014	Thông qua việc chọn thời gian, địa điểm tổ chức và các nội dung dự kiến xin ý kiến Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2013.
02	2606/2014/NQ-SGT	26/06/201	Thông qua các nội dung đã được lấy ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2013.
03	2606/2014/NQ-SGT	26/06/2014	Thông qua việc chuyển nhượng một phần cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn cho Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn – Quy Nhơn và chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Địa Ốc Nam Việt cho Bà Hoàng Thị Kim Hiền
04	0110/2014/QĐ-HĐQT	01/10/2014	Đồng ý điều chuyển xe ô tô theo yêu cầu trang bị xe cho Phòng Kinh Doanh SAIGONTEL tại Hà Nội phục vụ cho công tác đi lại và tiếp khách dự án tại Hà Nội
05	18/2014/QĐ-HĐQT	14/10/2014	Thông qua việc đầu tư thành lập Công ty TNHH MTV SAIGONTEL và ủy quyền cho các cá nhân làm đại diện vốn góp Công ty.
06	141128/2014/QĐ-HĐQT	28/11/2014	Thông qua việc đầu tư thành lập Công ty Cổ Phần Phân Phối Và Dịch Vụ SAIGONTEL và ủy quyền cho bà Nguyễn Cẩm Phương làm đại diện vốn góp của Công ty CP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn.
07	1512/2014/NQ-HĐQT	15/12/2014	Thông qua việc thế chấp số cổ phần mà Công ty đang sở hữu và được ủy quyền quyết định tại Công ty CP Dệt may Viễn thông Sài Gòn Vi Na cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam để đảm bảo các khoản vay.
08	30/2014/QĐ-HĐQT	31/12/2014	Quyết định bổ nhiệm ông Lê Nguyễn Hoàng Anh giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc – Phụ trách Tài Chính.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành vẫn duy trì chế độ họp thường kỳ cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và trực tiếp khác. Các thành viên HĐQT không điều hành đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành chỉ đạo kịp thời đối với Ban lãnh đạo Công ty.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Hiện nay Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Không có.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu
1	Ông Lê Chí Cường	Trưởng ban	821
2	Bà Lê Thị Anh	Thành viên	3,289
3	Bà Sú Ngọc Bích	Thành viên	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ các quy định trong Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 03 lần, đã phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện từng mặt công tác theo các lĩnh vực hoạt động và điều hành của HĐQT, ban Tổng Giám Đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, các quy chế, quy trình, nghị quyết và quyết định.

Tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2014.

Theo dõi tình hình qua các Nghị quyết, quyết định, kiểm soát việc ban hành và thực hiện các quy chế hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, quy trình nghiệp vụ của Công ty và các đơn vị thành viên.

Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty đối với HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và người quản lý trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh hàng quý của các phòng ban để kịp thời cập nhật thông tin cho công tác kiểm soát.

Giám sát việc báo cáo, thực thi các kết luận sau thanh tra thuế và tài chính trong năm, nhằm đảm bảo công tác tài chính kế toán của Tập đoàn và các CTTV hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Năm 2014, các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát không nhận thù lao, phụ cấp từ Công ty.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:*

Không có

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Tổng Giám Đốc và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán

“Không nhằm phủ nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính đến mục VIII.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ việc tranh chấp kinh doanh giữa Công ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn và Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện VTC về việc góp vốn hợp tác thành lập Công ty Cổ phần Truyền thông Sắc màu Sài Gòn (SGC). Hiện nay, toàn bộ hồ sơ của vụ việc đã được chuyển cho các Cơ quan chức năng xem xét và đến thời điểm phát hành báo cáo này vẫn chưa có kết luận sau cùng.”

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Liên quan đến báo cáo tài chính năm 2014, Công ty có làm công văn giải trình số liệu BCTC của Công ty mẹ được xác nhận của kiểm toán, với các nội dung cơ bản như sau :

- Giải trình chênh lệch số liệu BCTC năm 2014 của Công ty Mẹ trước và sau kiểm toán.
- Trình bày bổ sung thông tin thuyết minh trên BCTC Công ty Mẹ kiểm toán năm 2014
- Giải trình về việc không lập báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2014 với các công ty con.

Đính kèm Công văn giải trình số 34/2015-CV cùng với Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Mẹ đã kiểm toán được đăng tải trên website của công ty tại địa chỉ : <http://saigontel.com/vi/bai-viet/sgt-bao-cao-tai-chinh-da-kiem-toan-2014>.

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Cẩm Phương

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

Số: 10591
ĐẾN Ngày: 31/12/15
Chuyển:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

MỤC LỤC

— oOo —

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04-05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 52

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập: Công ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000992 ngày 14 tháng 05 năm 2002 (đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 13, ngày 11 tháng 08 năm 2014) do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty:

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán thiết bị điện - điện tử; Mua bán vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin; Mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet.
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: Mua bán máy vi tính; mua bán phần mềm.
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật ngành tin học; Thiết kế lắp đặt hệ thống mạng máy tính.
- Sao chép bản ghi các loại. Chi tiết: Sản xuất CD-VCD có nội dung được phép lưu hành (không kinh doanh băng đĩa tại trụ sở).
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo dạy nghề.
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý số liệu, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (không kinh doanh đại lý truy nhập -
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản); Cho thuê kho bãi, kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê); Kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp; Kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35KV; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp; Đầu tư
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa.
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước khoáng thiên nhiên và nước uống tinh khiết đóng chai (không hoạt động tại trụ sở).
- Xuất bản phần mềm. Chi tiết: Sản xuất phần mềm.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị ngành viễn thông.
- Sửa chữa thiết bị liên lạc. Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông và tin học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển.
- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, hoạt động của các căn tin và hàng ăn tự phục vụ (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Dịch vụ đồ uống. (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, truyền tải điện (không hoạt động tại trụ sở).

Mã chứng khoán niêm yết: SGT

Trụ sở chính: Lô 46 Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Thành Tâm	Chủ tịch	
Ông Đặng Nhật	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 26/06/2014
Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 26/06/2014
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	
Bà Nguyễn Cẩm Phương	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 26/06/2014
Bà Nguyễn Thị Sương	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 26/06/2014

Ban Kiểm soát

Bà Sú Ngọc Bích	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 26/06/2014
Bà Trần Thị Huyền Anh	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 26/06/2014
Ông Lê Chí Cường	Thành viên	
Bà Lê Thị Anh	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Cẩm Phương	Tổng Giám Đốc	Người đại diện theo pháp luật
Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 31/12/2014
Ông Vũ Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Bắc Ninh	

Kế toán trưởng

Ông Vũ Quốc Huân	Kế toán trưởng	
Ông Phạm Phúc Hiếu	Kế toán trưởng chi nhánh Bắc Ninh	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2015,

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Cẩm Phương

Tổng Giám đốc



Số: 08.14.481/AISC-DN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn, được lập ngày 25/03/2015, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính đến mục VIII.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ việc tranh chấp kinh doanh giữa Công ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn và Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện VTC về việc góp vốn hợp tác thành lập Công ty Cổ phần Truyền thông Sắc màu Sài Gòn (SGC). Hiện nay, toàn bộ hồ sơ của vụ việc đã được chuyển cho các Cơ quan chức năng xem xét và đến thời điểm phát hành báo cáo này vẫn chưa có kết luận sau cùng.

TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Kiểm toán viên



Trần Hải Sơn

Số Giấy CN ĐKHNKT: 2172-2013-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



Tổng Giám Đốc

Phạm Văn Vinh

Số Giấy CN ĐKHNKT: 0112-2013-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.001.007.655.961	458.862.100.654
	(100 = 110+120+130+140+150)				
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	33.660.343.399	13.380.813.371
	1. Tiền	111		24.860.343.399	13.380.813.371
	2. Các khoản tương đương tiền	112		8.800.000.000	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
	1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
	2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	122		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		862.870.504.654	427.220.765.797
	1. Phải thu của khách hàng	131	V.2.	350.375.362.709	114.796.516.719
	2. Trả trước cho người bán	132	V.3.	32.412.969.717	24.854.266.993
	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
	4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
	5. Các khoản phải thu khác	135	V.4.	505.485.754.274	290.454.939.439
	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5.	(25.403.582.046)	(2.884.957.354)
IV.	Hàng tồn kho	140	V.6.	77.457.654.293	8.274.877.465
	1. Hàng tồn kho	141		77.457.654.293	8.274.877.465
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		27.019.153.615	9.985.644.021
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.	1.939.326.483	51.826.073
	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.8.	336.418.016	801.958.143
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8.	1.350.128.067	3.103.053.628
	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
	5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9.	23.393.281.049	6.028.806.177

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		831.910.208.827	1.354.223.123.662
	(200 = 210+220+240+250+260)				
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
	2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
	3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
	4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		81.818.307.473	333.385.601.211
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	31.751.067.854	31.560.454.466
	- Nguyên giá	222		48.447.144.777	53.091.662.912
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.696.076.923)	(21.531.208.446)
	2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
	3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11.	50.067.239.619	301.825.146.745
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.12.	22.523.857.016	10.193.664.574
	- Nguyên giá	241		27.571.397.190	13.316.855.251
	- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(5.047.540.174)	(3.123.190.677)
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13.	713.813.329.816	999.650.875.182
	1. Đầu tư vào công ty con	251		5.428.520.000	45.600.000.000
	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	20.000.000.000
	3. Đầu tư dài hạn khác	258		726.929.895.776	957.765.405.776
	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(18.545.085.960)	(23.714.530.594)
V.	Tài sản dài hạn khác	260	V.14.	13.754.714.522	10.992.982.695
	1. Chi phí trả trước dài hạn	261		13.325.420.272	10.693.646.445
	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	3. Tài sản dài hạn khác	263		429.294.250	299.336.250
	TỔNG CỘNG	270		1.832.917.864.788	1.813.085.224.316

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A.	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.395.756.164.753	1.404.580.388.281
I.	Nợ ngắn hạn	310		518.171.772.676	777.869.079.062
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15.	71.073.410.576	206.478.490.441
2.	Phải trả cho người bán	312	V.16.	45.599.520.372	15.540.644.025
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.17.	45.116.701.170	15.847.884.487
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18.	2.563.339.184	5.264.016.663
5.	Phải trả người lao động	315		23.565.109	-
6.	Chi phí phải trả	316	V.19.	315.416.558.296	423.408.476.671
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20.	40.775.010.905	113.202.854.944
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(2.396.332.936)	(1.873.288.170)
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		877.584.392.077	626.711.309.219
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.21.	183.296.110.778	62.097.938.600
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.22.	665.689.222.469	538.285.402.545
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.23.	27.337.259.004	25.658.158.312
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.24.	1.261.799.826	669.809.762
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		437.161.700.035	408.504.836.035
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.25.	437.161.700.035	408.504.836.035
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		740.019.140.000	740.019.140.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		(3.100.000)	(3.100.000)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(302.854.339.965)	(331.511.203.965)
11.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		1.832.917.864.788	1.813.085.224.316

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Cao Nữ Ngọc Dung

Kế toán trưởng



Vũ Quốc Huân



Tổng Giám đốc



Nguyễn Cẩm Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	226.642.632.862	207.482.948.843
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.576.456.470	923.791.286
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	221.066.176.392	206.559.157.557
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	173.018.399.901	149.360.467.316
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		48.047.776.491	57.198.690.241
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	105.116.576.952	52.011.800.034
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	86.175.732.897	83.245.996.120
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		81.448.604.926	82.205.004.869
8. Chi phí bán hàng	24		2.835.700.318	968.267.622
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	39.510.225.831	12.606.412.307
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		24.642.694.397	12.389.814.226
11. Thu nhập khác	31		9.331.930.704	1.263.412.575
12. Chi phí khác	32		1.885.734.848	1.195.981.923
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		7.446.195.856	67.430.652
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		32.088.890.253	12.457.244.878
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.752.925.561	6.055.301.092
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	1.679.100.692	6.241.264.509
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		28.656.864.000	160.679.277
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	387	2

Người lập biểu



Cao Nữ Ngọc Dung

Kế toán trưởng



Vũ Quốc Huân

Tp Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015



Tổng Giám đốc



Nguyễn Cẩm Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.088.890.253	12.457.244.878
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, 12	4.222.548.112	3.590.356.830
- Các khoản dự phòng	03	VI. 6, 7	17.349.180.058	1.198.990.102
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI. 6	29.849.461	(382.470.205)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(91.993.650.000)	(45.972.049.733)
- Chi phí Lãi vay	06	VI. 6	81.448.604.926	82.205.004.869
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		43.145.422.810	53.097.076.741
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(277.150.624.939)	(1.202.267.989)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		218.393.450.671	(7.578.048.698)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(16.265.155.560)	(79.807.513.046)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(4.455.100.312)	(1.269.296.457)
- Tiền Lãi vay đã trả	13		(25.193.989.468)	(8.508.086.667)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		22.679.349.775	10.819.414.116
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(36.837.800.962)	(13.136.482.742)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(75.684.447.985)	(47.585.204.742)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(57.271.652.377)	(39.466.310.250)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	93.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	500.000.000
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		(5.628.520.000)	(200.000.000)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		214.675.560.000	116.500.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		-	356.736.640
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		151.775.387.623	77.284.335.481

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		59.897.587.828	11.438.957.108
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(115.688.636.882)	(38.497.175.178)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(55.791.049.054)	(27.058.218.070)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		20.299.890.584	2.640.912.669
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.380.813.371	10.749.656.363
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(20.360.556)	(9.755.661)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		33.660.343.399	13.380.813.371

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Cao Nữ Ngọc Dung

Kế toán trưởng



Vũ Quốc Huân



Tổng Giám đốc

Nguyễn Cẩm Phương

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000992 ngày 14 tháng 05 năm 2002 (đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 13, ngày 11 tháng 08 năm 2014) do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Tên tiếng anh:

SAIGON TELECOMMUNICATION & TECHNOLOGIES CORPORATION.

Tên viết tắt: SGT

Trụ sở chính: Lô 46 Công viên Phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

Chi Nhánh Bắc Ninh

Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 21.13.000043 ngày 09 tháng 09 năm 2004 (đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 27 tháng 07 năm 2007) do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Trụ sở hoạt động của Chi nhánh: Khu Công Nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, Bắc Ninh.

Lĩnh vực kinh doanh: Đầu tư, kinh doanh thương mại, xây dựng, thiết kế, tư vấn và dịch vụ.

Hoạt động chính của Chi nhánh:

Mua bán máy vi tính, thiết bị điện - điện tử, vật tư - thiết bị bưu chính viễn thông. Mua bán, lắp đặt vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin. Tư vấn kỹ thuật ngành tin học. Thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng máy tính. Sản xuất, mua bán phần mềm. Dịch vụ tin học: lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính. Sản xuất CD - VCD (có nội dung được phép lưu hành và chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).

Đào tạo dạy nghề (chỉ hoạt động khi được cấp phép theo quy định của pháp luật). Đại lý cung cấp dịch vụ Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp. Tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật. Dịch vụ chuyển giao công nghệ. Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35KV. Dịch vụ giao nhận hàng hoá, cho thuê kho bãi. Kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê). Đầu tư, xây dựng, kinh doanh khu vui chơi giải trí.

2. Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

3. Hoạt động chính của Công ty: Đầu tư, kinh doanh thương mại, xây dựng, thiết kế, tư vấn và dịch vụ.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Trong năm, Công ty đã thực hiện điều chỉnh đơn giá dự toán đất cho thuê tại KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn từ 370.000 đ/m² lên thành 416.685 đ/m² và đã điều chỉnh giá vốn cho phần diện tích đất đã cho thuê vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

5. Tổng số nhân viên đến cuối kỳ:

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2014: 137 người. (Ngày 31/12/2013: 57 người).

6. Công ty có các công ty con như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tên Công ty	Được thành lập theo	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH MTV Saigontel	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106684254 ngày 06/11/2014 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. Hà Nội cấp.	Bán buôn và sản xuất thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	20.000.000.000	100%
Công ty Cổ phần Phân phối và Dịch vụ Saigontel	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313042600 ngày 06/12/2014 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	30.000.000.000	70%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Các công ty con là Công ty TNHH MTV Saigontel được thành lập vào ngày 06/11/2014, Công ty Cổ phần Phân phối và Dịch vụ Saigontel được thành lập vào ngày 06/12/2014 nên niên độ kế toán của các công ty này tính từ ngày thành lập đến ngày 31/12/2015. Do đó, năm 2014 Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

4.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05 năm
Phần mềm máy vi tính	05 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như: phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, thuế trước bạ, các chi phí liên quan khác.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bắt động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:

Nhà xưởng	10 năm
Quyền sử dụng đất	44 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con: khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các dự án hay đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc. Nếu không xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: Chi phí công cụ dụng cụ, chi phí ban đầu của dự án, sửa chữa lớn giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45 và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn (công cụ dụng cụ) phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn: chi phí hoạt động phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45 được phân bổ không quá 3 năm.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí tiền điện, tiền nước, tiền lương, lãi vay phải trả và các chi phí phải trả khác.

Đối với hoạt động cho thuê đất: chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng và ước tính hợp lý về giá vốn của hoạt động cho thuê lại đất trong kỳ. Giá vốn hoạt động cho thuê lại đất được tính toán dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã phục vụ cho hoạt động cho thuê lại đất trong kỳ như sau:

$$\text{Giá vốn hoạt động cho thuê đất} = \text{Diện tích đất cho thuê trong kỳ} \times \text{Giá vốn 1 m}^2 \text{ đất cho thuê theo dự toán đầu tư} \times \text{Tỷ lệ \% ghi nhận doanh thu trong kỳ so với tổng giá trị thực hiện hợp đồng}$$

Trong đó, đơn giá dự toán đất cho thuê KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn là 416.685 đ/m² diện tích đất thương phẩm.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

12. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chuyển giao đất, cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng và cho thuê văn phòng nhà xưởng:

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chuyển giao đất, hoặc cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng và cho thuê văn phòng nhà xưởng: được xác định là giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được chiết khấu theo lãi suất chiết khấu có hiệu lực trên thị trường khi đất và đất đã phát triển cơ sở hạ tầng được giao cho khách hàng trên thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

Đối với Văn phòng Công ty

- Đối với hoạt động kinh doanh phần mềm tại văn phòng công ty thì thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm (kể từ năm 2002 đến năm 2016), sau thời gian ưu đãi áp dụng theo thuế suất phổ thông. Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2002 đến năm 2005), giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2014).
- Trong năm, Công ty thực hiện chuyển lỗ đối với các khoản lỗ của các năm trước vào năm nay nên không phát sinh thuế TNDN phải nộp.

Đối với Chi nhánh Bắc Ninh:

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 10% thu nhập chịu thuế trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2004 đến 2018, thời gian sau ưu đãi áp dụng thuế suất 22%. Đối với hoạt động khác có mức thuế suất là 22%.

- Chi nhánh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 (bốn) năm kể từ năm 2004 đến năm 2007 và giảm 50% (năm mươi phần trăm) thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 (chín) năm kể từ năm 2008 đến năm 2016.

- Đối với hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng tại Chi nhánh Bắc Ninh (do Chi nhánh kinh doanh ngành nghề "Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao"): Thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm từ khi dự án đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006 đến năm 2020), sau thời gian này thuế suất thuế TNDN là 22%, Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 4 (bốn) năm (từ năm 2006 đến năm 2009), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 (chín) năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018).

- Chi nhánh đã chọn phương pháp xác định doanh thu là toàn bộ số tiền bên thuế trả trước cho nhiều năm, do vậy theo quy định tại Tiết h Điểm 3 Mục II Phần B Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 thì thu nhập chịu thuế được miễn thuế, giảm thuế bằng (=) tổng thu nhập chịu thuế chia (:) cho số năm bên thuế trả tiền trước nhân (x) với số năm được miễn thuế, giảm thuế.

Đối với hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng, các năm trước Chi nhánh tính thuế TNDN theo tổng thu nhập chịu thuế được ghi nhận phương pháp xác định doanh thu là toàn bộ số tiền bên thuế trả trước cho nhiều năm. Từ năm 2012, căn cứ theo Biên bản Quyết toán thuế tại Chi nhánh ký ngày 14/12/2012, Chi nhánh tính thuế TNDN hiện hành theo thu nhập chịu thuế phân bổ cho số năm trả tiền trước.

- Chi phí thuế TNDN của các năm còn lại (chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN năm hiện hành với chi phí thuế được tính thuế TNDN theo tổng thu nhập chịu thuế được ghi nhận theo phương pháp xác định doanh thu là toàn bộ số tiền bên thuế trả trước cho nhiều năm) được hạch toán vào chi phí thuế TNDN hoãn lại của năm hiện hành.

- Thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng của các năm 2009 đến năm 2011 cũng được tính theo thu nhập chịu thuế phân bổ cho số năm trả tiền trước và được hạch toán vào tài khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả.

- Đối với hoạt động kinh doanh nhà xưởng tại Chi nhánh Bắc Ninh: Thuế suất thuế TNDN là 15% cho 12 năm từ khi dự án đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006 đến năm 2017), sau thời gian này thuế suất thuế TNDN là 20%, Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 3 (ba) năm (từ năm 2006 đến năm 2008), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 7 (bảy) năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2015).

16. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính:

Số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2014: 21.360 VND/USD.

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 179 như sau:

Nghiệp vụ

Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Số dư cuối năm của các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ

Việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm theo Thông tư 179 và theo VAS 10 không có sự khác biệt trọng yếu ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của năm hiện hành.

Xử lý kế toán theo Thông tư 179

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Không thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối năm tài chính.

Xử lý kế toán theo VAS 10

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối năm tài chính.

17. Công cụ tài chính:

Ghi nhận ban đầu:

Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (thông tư 210), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

18. Nguyên tắc ghi nhận lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

19. Báo cáo bộ phận

Công ty xác định bộ phận kinh doanh dựa trên thị trường, theo đó có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế trong từng thị trường. Trong giai đoạn báo cáo này, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu: báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo các loại sản phẩm chính là doanh thu bán nhà xưởng và cho thuê mặt bằng, doanh thu kinh doanh điện thoại và doanh thu cung cấp dịch vụ khác. Và báo cáo bộ phận thứ yếu: báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý bao gồm hoạt động kinh doanh tại Tp. Hồ Chí Minh và tại Bắc Ninh.

20. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2014	01/01/2014
Tiền	24.860.343.399	13.380.813.371
Tiền mặt	420.824.704	178.944.727
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>12.191.574</i>	<i>38.000.386</i>
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>408.633.130</i>	<i>140.944.341</i>
Tiền gửi ngân hàng	24.439.518.695	13.201.868.644
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>5.734.908.755</i>	<i>1.057.331.447</i>
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>18.704.609.940</i>	<i>12.144.537.197</i>
Các khoản tương đương tiền	8.800.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	8.800.000.000	-
Cộng	33.660.343.399	13.380.813.371
(*) Theo 2 hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân Đội:		
+ Khoản tiền gửi 5,3 tỷ đồng, ngày đáo hạn: 14/1/2015, lãi suất: 4,3%.		
+ Khoản tiền gửi 3,5 tỷ đồng, ngày đáo hạn: 14/1/2015, lãi suất: 4,3%.		
2. Phải thu khách hàng	31/12/2014	01/01/2014
Khách hàng trong nước		
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>66.370.655.640</i>	<i>18.033.356.039</i>
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>284.004.707.069</i>	<i>96.763.160.680</i>
Cộng	350.375.362.709	114.796.516.719

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2014	01/01/2014
3. Trả trước cho người bán		
Nhà cung cấp trong nước	22.782.618.967	24.854.266.993
<i>Văn phòng Công ty</i>	12.557.760.964	2.492.463.038
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	10.224.858.003	22.361.803.955
Nhà cung cấp nước ngoài	9.630.350.750	-
<i>Văn phòng Công ty</i>	9.630.350.750	-
Cộng	32.412.969.717	24.854.266.993
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
Văn phòng Công ty	462.550.088.279	286.534.659.274
+ Công ty Kinh doanh Hàng Thời trang Việt Nam (1)	120.000.000.000	120.000.000.000
+ Tổng Công ty Truyền thông đa phương tiện - VTC (2)	31.690.000.000	31.690.000.000
+ CTCP Dịch vụ Kinh Bắc (3)	293.700.000.000	133.700.000.000
+ Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh (4)	13.953.600.000	-
+ Các đối tượng khác	3.206.488.279	1.144.659.274
Chi nhánh Bắc Ninh	42.935.665.995	3.920.280.165
+ CTCP Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc	4.339.117.060	-
+ Ban Giải phóng mặt bằng Huyện Đan Phượng	3.919.091.328	3.919.091.328
+ Triệu Thị Duyên (5)	34.600.000.000	-
+ Các đối tượng khác	77.457.607	1.188.837
Cộng	505.485.754.274	290.454.939.439

(1) Khoản góp vốn theo biên bản thoả thuận số 01/BBTT-07 về hợp tác đầu tư xây dựng, khai thác khu trung tâm, văn phòng và nhà ở cao cấp tại 300 A-B Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh giữa Công ty Kinh doanh hàng thời trang Việt Nam và Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn để thành lập Công ty CP Dệt may Viễn thông Sài Gòn Vina, hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được chuyển tên sang Công ty CP Dệt may Viễn thông Sài Gòn Vina. Ngoài ra, Công ty đang làm việc với Công ty Kinh doanh Hàng Thời trang Việt Nam để thống nhất một số chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của dự án. Số vốn góp 120 tỷ đồng này sẽ được chuyển đổi thành vốn đầu tư vào Công ty CP Dệt may Viễn thông Sài Gòn Vina khi hoàn tất các thủ tục pháp lý.

(2) Khoản tiền ứng trước cho Tổng Công ty Truyền thông đa phương tiện (VTC) để mua thiết bị kỹ thuật thành lập công ty con theo Hợp đồng hợp tác thành lập Công ty Cổ phần Truyền thông VTC-SaigonTel số 10/HĐ-SGT ngày 11 tháng 11 năm 2010.

(3) Khoản phải thu Công ty CP Dịch vụ Kinh Bắc theo các hợp đồng chuyển nhượng:

+ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn ngày 12/12/2013, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 6.685.000 cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 133,7 tỷ đồng.

+ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP ĐTPT Nhà máy Điện Sài Gòn - Bình Thuận theo HĐ chuyển nhượng cổ phần số 1012/HĐCN-SBI ngày 10/12/2014, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 8 (tám) triệu cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 160 tỷ đồng.

(4) Khoản phải thu theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Truyền thông Sắc Màu theo HĐ chuyển nhượng cổ phần số 3011/HĐCN-SGC ngày 30/11/2014.

(5) Khoản phải thu theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2207/2014/HĐCN/SGT-CNCP ngày 22/07/2014, theo đó số tiền đã chuyển cho bà Triệu Thị Duyên để mua 432.500 cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng Sản Sài Gòn - Quy Nhơn (SQC). Đến thời điểm hiện nay, các thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu này vẫn chưa được hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2014	Năm 2013
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
Số dư đầu năm	2.884.957.354	2.393.540.042
Số dự phòng trong năm	22.518.624.692	491.417.312
Hoàn nhập	-	-
Số dư cuối năm	25.403.582.046	2.884.957.354
Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn	31/12/2014	01/01/2014
Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện VTC	22.183.000.000	-
Các khoản phải thu từ hoạt động thương mại	3.220.582.046	2.884.957.354
Cộng	25.403.582.046	2.884.957.354
6. Hàng tồn kho	31/12/2014	01/01/2014
Công cụ, dụng cụ	42.456.363	-
<i>Văn phòng Công ty</i>	42.456.363	-
Chi phí SXKDDD	56.547.662.422	-
<i>Chi phí xây dựng dở dang KCN Đại Đồng Hoàn Sơn</i>	56.547.662.422	-
Hàng hoá	20.867.535.508	8.274.877.465
<i>Văn phòng Công ty</i>	20.867.535.508	8.272.791.465
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	-	2.086.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	77.457.654.293	8.274.877.465
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	77.457.654.293	8.274.877.465
7. Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2014	01/01/2014
Chi phí công cụ dụng cụ		
<i>Văn phòng Công ty</i>	1.912.443.879	46.492.737
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	26.882.604	5.333.336
Cộng	1.939.326.483	51.826.073
8. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2014	01/01/2014
Thuế GTGT được khấu trừ	336.418.016	801.958.143
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1.350.128.067	3.103.053.628
<i>Thuế TNDN</i>	1.350.128.067	3.103.053.628
Văn phòng Công ty	1.062.266.134	1.246.733.955
Chi nhánh Bắc Ninh	287.861.933	1.856.319.673
Cộng	1.686.546.083	3.905.011.771
9. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2014	01/01/2014
Tạm ứng cho nhân viên	4.982.373.536	5.023.895.982
<i>Văn phòng Công ty</i>	4.646.770.533	971.913.071
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	335.603.003	4.051.982.911

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ký quỹ ngắn hạn	18.410.907.513	1.004.910.195
+ Ký quỹ tại Ngân hàng Quân đội	18.406.207.513	1.004.910.195
+ Ký quỹ tại các đối tượng khác	4.700.000	-
Cộng	23.393.281.049	6.028.806.177

10. Tài sản cố định hữu hình: Xem Thuyết minh tại trang 46.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2014	01/01/2014
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án		
Văn phòng Công ty	1.793.153.342	1.793.153.342
Dự án 300A-B Nguyễn Tất Thành	1.477.762.487	1.477.762.487
Dự án Tòa nhà ICT 2	315.390.855	315.390.855
Chi nhánh Bắc Ninh	48.274.086.277	300.031.993.403
Dự án Nhà văn phòng, nhà máy nước, nhà xưởng cho thuê (*)	42.543.223.359	294.301.130.485
Dự án KCN Công nghệ cao Đại Đồng - Hoàn Sơn GD II (*)	372.330.818	372.330.818
Dự án XDCB khu Phú Hà - Phú Thọ	628.732.090	628.732.090
Xây dựng cơ bản khu đô thị mới Bắc Tân Lập	12.000.000	12.000.000
Các dự án khác	4.717.800.010	4.717.800.010
Tổng cộng	50.067.239.619	301.825.146.745

(*) Một phần các dự án này đã được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay thuyết minh tại mục V.22.

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà xưởng	Bất động sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá (*)				
Số dư đầu năm	4.470.073.306	8.846.781.945	-	13.316.855.251
ĐT XDCB h.thành	2.276.166.000	11.978.375.939	-	14.254.541.939
Số dư cuối năm	6.746.239.306	20.825.157.884	-	27.571.397.190
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	321.709.837	2.801.480.840	-	3.123.190.677
Khấu hao trong năm	141.293.146	1.783.056.351	-	1.924.349.497
Số dư cuối năm	463.002.983	4.584.537.191	-	5.047.540.174
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	4.351.548.629	6.045.301.105	-	10.193.664.574
Số dư cuối năm	4.249.956.049	16.240.620.693	-	22.523.857.016

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2014. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị ghi sổ tại ngày này.

(*) Quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay thuyết minh tại mục V.22.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng / Tỷ lệ	Giá trị	Số lượng / Tỷ lệ	Giá trị
Đầu tư vào công ty con		5.428.520.000		45.600.000.000
+ Công ty TNHH MTV Saigontel (1)	100%	4.428.520.000		-
+ Công ty Cổ phần Phân phối và Dịch vụ Saigontel (1)	70%	1.000.000.000		-
+ Công ty CP Truyền thông Sắc Màu Sài Gòn (2)		-	4.560.000	45.600.000.000
Đầu tư vào cty liên kết, liên doanh		-		20.000.000.000
+ Cty CP Địa ốc Nam Việt (3)		-	2.000.000	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		726.929.895.776		957.765.405.776
Đầu tư cổ phiếu		220.000.000.000		220.000.000.000
+ Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn Quy Nhơn	6.270.000	220.000.000.000	6.270.000	220.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		506.929.895.776		737.765.405.776
+ Công ty CP Truyền thông Sắc Màu Sài Gòn (2)	2.234.400	22.344.000.000		-
+ Công ty CP ĐTPPT NM điện SG Bình Thuận (4)	4.725.000	75.600.000.000	12.725.000	203.600.000.000
+ Cty CP Dịch Vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn (5)	16.003.665	254.986.394.445	23.473.665	374.005.904.445
+ Công ty CP Địa ốc Viễn Đông Việt Nam	6.141.000	75.610.726.331	6.141.000	75.610.726.331
+ Ủy thác đầu tư	1.399.750	27.356.750.000	1.399.750	27.356.750.000
+ Công ty CP Dệt May Viễn thông Sài Gòn VINA (6)		6.400.000.000		6.200.000.000
+ Công ty CP ĐT & PT HT KCN Cao Sài Gòn		28.812.000.000		28.812.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng / Tỷ lệ	Giá trị	Số lượng / Tỷ lệ	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)				
+ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bàn Việt (7)	86,40	8.640.000.000	150	15.000.000.000
+ Trường ĐHDL Hùng Vương		2.300.000.000		2.300.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Việt Số		4.880.025.000		4.880.025.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(18.545.085.960)		(23.714.530.594)
+ Công ty CP Địa ốc Viễn Đông Việt Nam		(18.545.085.960)		(23.714.530.594)
Cộng		713.813.329.816		999.650.875.182

Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư:

- (1) Khoản đầu tư mới bằng tiền vào Công ty TNHH Saigontel thành lập ngày 6/11/2014 và Công ty CP Phân phối và Dịch vụ Saigontel thành lập ngày 6/12/2014.
- (2) Khoản giảm vốn đầu tư tại Công ty CP Truyền thông Sắc Màu theo Hợp đồng chuyển nhượng số 3011/HĐCN-SGC ngày 30/11/2014 cho Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 2.325.600 cổ phần, tổng giá trị HĐ chuyển nhượng là 13.953.600.000 đồng.
- (3) Thanh lý toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty CP Địa ốc Nam Việt theo Hợp đồng chuyển nhượng số 1606/HĐCN-Naviland ngày 16/06/2014 cho bà Hoàng Thị Kim Hiền, tổng giá trị HĐ chuyển nhượng là 20.426.000.000 đồng.
- (4) Khoản giảm vốn đầu tư tại Công ty CP ĐTPT Nhà máy Điện Sài Gòn - Bình Thuận theo HĐ chuyển nhượng cổ phần số 1012/HĐCN-SBI ngày 10/12/2014 cho Công ty CP Dịch vụ Kinh Bắc, theo đó, số lượng cổ phiếu được chuyển nhượng là 8 (tám) triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị của Hợp đồng là 160 tỷ đồng.
- (5) Khoản giảm vốn đầu tư tại Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn theo HĐ chuyển nhượng cổ phần số 0406/HĐCN-SPT ngày 26/06/2014 và Phụ lục số 01/PLHĐCN-SPT ngày 27/06/2014 với Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn, theo đó, số lượng cổ phiếu được chuyển nhượng là 7.470.000 cổ phiếu tương ứng với giá trị là 186,75 tỷ đồng.
- (6) Khoản đầu tư mới phát sinh trong năm.
- (7) Khoản giảm vốn theo thông báo số 18/2014/TB-VCAM ngày 16/01/2014.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn sau vì những lý do:

Tên công ty đầu tư dài hạn

Lý do

- Công ty CP ĐTPT NM điện Sài Gòn - Bình Thuận - Công ty đang giai đoạn xây dựng dự án.
- Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn - Công ty niêm yết, giá trị thị trường ngày 31 tháng 12 năm 2014 cao hơn giá trị sổ sách.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<u>Tên công ty đầu tư dài hạn (tiếp theo)</u>	<u>Lý do</u>
- Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	- Giá trị sổ sách của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt cao hơn giá trị đầu tư.
- Các khoản mục đầu tư dài hạn khác	- Các khoản đầu tư với mục tiêu dài hạn vào các công ty này, Công ty chỉ lập dự phòng khi các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả của các công ty được đầu tư này bị lỗ.

14. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác	31/12/2014	01/01/2014
Chi phí trả trước dài hạn		
Văn phòng Công ty	13.163.128.177	10.177.113.351
<i>Chi phí dự án Telecom</i>	7.921.794.231	8.641.957.343
<i>Chi phí thực hiện các dự án tại Hà Nội</i>	2.213.208.812	1.306.209.894
<i>Chi phí chuyển nhượng kênh phân phối</i>	2.500.000.000	-
<i>Chi phí công cụ, dụng cụ</i>	384.130.291	-
<i>Chi phí phân bổ dài hạn khác</i>	143.994.843	228.946.114
Chi nhánh Bắc Ninh	162.292.095	516.533.094
<i>Chi phí công cụ, dụng cụ</i>	162.292.095	516.533.094
Cộng	13.325.420.272	10.693.646.445
Tài sản dài hạn khác		
Ký quỹ ký cược dài hạn		
+ Taxi Mai Linh	10.000.000	10.000.000
+ Cty CP Đầu tư và Thương mại Kinh Bắc	100.000.000	100.000.000
+ Cty CP Đầu tư và Dịch vụ Thăng Long	220.932.000	150.138.000
+ Cty LD KCN Việt Nam - Singapore	38.198.250	38.198.250
+ Các đối tượng khác	60.164.000	1.000.000
Cộng	429.294.250	299.336.250
Tổng cộng	13.754.714.522	10.992.982.695
15. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2014	01/01/2014
Văn phòng Công ty		
Vay ngắn hạn	71.073.410.576	144.800.957.108
+ Công ty CP ĐT & PT Hạ tầng KCNC Sài Gòn	-	28.812.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng	(1) 50.550.000.000	50.550.000.000
+ Công ty CP Địa ốc Nam Việt	-	15.000.000.000
+ Công ty CP DV Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	-	25.000.000.000
+ Công ty CP Kum Ba	-	6.000.000.000
+ Công ty CP Cơ điện tử - Tin học Cholimex	-	8.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	(2) 20.523.410.576	11.438.957.108
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	25.177.533.333
+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	2.744.333.333
+ Ngân hàng TMCP Quốc Dân	-	22.433.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi nhánh Bắc Ninh

Nợ dài hạn đến hạn trả	-	36.500.000.000
+ NH TMCP Công Thương - CN Quế Võ	-	36.500.000.000
Cộng	71.073.410.576	206.478.490.441

(1) Khoản vay theo hợp đồng vay số 01/2010/HĐVV ngày 15/08/2010 và phụ lục gia hạn với lãi suất 13%/năm, thời hạn thanh toán đến ngày 31/12/2015.

(2) Khoản vay của NH TMCP Quân Đội - CN Bắc Sài Gòn theo hợp đồng vay ngắn hạn số 2005.13.201.1431327 ngày 29/10/2013. Hạn mức tín dụng: 50 tỷ VND. Thời hạn cho vay của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể. Hình thức bảo đảm tiền vay: Quyền khai thác tài sản trên đất tại Lô 46 - Khu Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. HCM.

16. Phải trả người bán	31/12/2014	01/01/2014
Phải trả người bán trong nước	44.626.617.869	14.573.207.267
<i>Văn phòng Công ty</i>	20.232.945.859	7.926.911.507
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	24.393.672.010	6.646.295.760
Phải trả người bán nước ngoài	972.902.503	967.436.758
<i>Văn phòng Công ty</i>	972.902.503	967.436.758
Cộng	45.599.520.372	15.540.644.025

17. Người mua trả tiền trước	31/12/2014	01/01/2014
Người mua trả tiền trước trong nước	44.699.217.270	15.847.884.487
<i>Văn phòng Công ty</i>	11.369.068.233	25.348.029
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	33.330.149.037	15.822.536.458
Người mua trả tiền trước nước ngoài	417.483.900	-
<i>Văn phòng Công ty</i>	417.483.900	-
Cộng	45.116.701.170	15.847.884.487

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2014	01/01/2014
Thuế giá trị gia tăng	2.218.484.341	5.078.249.630
<i>Văn phòng Công ty</i>	1.090.125.541	3.948.170.827
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	1.128.358.800	1.130.078.803
Thuế thu nhập cá nhân	300.157.458	185.767.033
<i>Văn phòng Công ty</i>	230.524.938	182.591.110
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	69.632.520	3.175.923
Các khoản thuế, phí, lệ phí khác	44.697.385	-
<i>Văn phòng Công ty</i>	44.697.385	-
Cộng	2.563.339.184	5.264.016.663

19. Chi phí phải trả	31/12/2014	01/01/2014
Văn phòng Công ty	265.061.394.858	225.427.820.113
<i>Trích trước chi phí lãi vay</i>	254.245.033.436	223.519.330.234
<i>Trích trước chi phí bán quyền game</i>	124.190.510	124.190.510
<i>Chi phí phải trả khác</i>	10.692.170.912	1.784.299.369

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi nhánh Bắc Ninh	50.355.163.438	197.980.656.558
<i>Trích trước giá vốn hoạt động cho thuê đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất</i>	50.355.163.438	197.433.156.558
<i>Trích trước chi phí lãi vay</i>	-	547.500.000
Cộng	315.416.558.296	423.408.476.671
20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2014	01/01/2014
Kinh phí công đoàn	30.294.280	-
Bảo hiểm xã hội	45.274.511	141.613.300
<i>Văn phòng Công ty</i>	45.274.511	141.613.300
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	40.599.442.114	113.061.241.644
<i>Văn phòng Công ty</i>	2.114.755.017	38.403.956.043
<i>+ Ông Nguyễn Sơn</i>	-	7.568.078.815
<i>+ Công ty CP Đầu tư Sài Gòn</i>	-	26.347.175.178
<i>+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo</i>	-	4.287.356.000
<i>+ Công ty CP KCN Sài Gòn - Hải Phòng</i>	200.000.000	200.000.000
<i>+ Ông Vũ Ngọc Ánh</i>	1.470.000.000	-
<i>+ Các đối tượng khác</i>	444.755.017	1.346.050
Chi nhánh Bắc Ninh	38.484.687.097	74.657.285.601
<i>+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kinh Bắc</i>	-	7.570.020.214
<i>+ Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc</i>	-	34.036.842.950
<i>+ Công ty CP KCN Sài Gòn - Bắc Giang (1)</i>	22.592.687.097	23.592.687.097
<i>+ Công ty CP KCN Sài Gòn - Hải Phòng (2)</i>	8.700.000.000	8.700.000.000
<i>+ Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh</i>	72.000.000	72.000.000
<i>+ Ông Đặng Thành Tâm (3)</i>	7.000.000.000	-
<i>+ Các đối tượng khác</i>	120.000.000	685.735.340
Cộng	40.775.010.905	113.202.854.944
<p>(1) Khoản vay Hợp đồng thoả thuận cho vay giữa Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn - chi nhánh Bắc Ninh ký ngày ngày 26 tháng 11 năm 2012, thời gian cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay 0%.</p> <p>(2) Khoản phải trả do cản trở công nợ theo Thỏa thuận số 42 ngày 29/05/2012 giữa 3 bên: Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn, Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn - Bắc Giang và Công ty TNHH NewHope Hà Nội.</p> <p>(3) Khoản mượn tiền theo Hợp đồng thoả thuận mượn vốn số 01/TTMV/TAM-SGT/2014 ngày 29/12/2014, theo đó số tiền mượn là 7 tỷ đồng; Mục đích mượn vốn: Thực hiện một số giao dịch, hoạt động kinh doanh và đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật; Thời hạn mượn vốn: 12 tháng kể từ ngày chuyển tiền đầu tiên; Phí mượn vốn: 0%.</p>		
21. Phải trả dài hạn khác	31/12/2014	01/01/2014
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.248.935.600	2.097.938.600
<i>Công ty TNHH Thực phẩm ORION VINA</i>	66.000.000	66.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Nam Việt</i>	223.730.600	223.730.600
<i>Công ty TNHH GHP FAR EAST</i>	1.294.839.000	1.294.839.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VIÊN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty TNHH MTV NEOBAGS VIỆT NAM		343.300.000	318.300.000
Công ty TNHH Green Textile Vina		52.800.000	-
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư SGI		110.466.000	75.069.000
Các đối tượng khác		157.800.000	120.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn		181.047.175.178	60.000.000.000
Văn phòng Công ty		181.047.175.178	
+ Công ty CP Đầu tư Sài Gòn	(1)	51.547.175.178	-
+ Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	(2)	69.500.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Năng lượng Sài Gòn - Bình Định	(3)	60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng		183.296.110.778	62.097.938.600

(1) Khoản mượn vốn theo Thỏa thuận mượn vốn số 0914/TT-SGT.11 ngày 14/09/2011 và các phụ lục hợp đồng, hạn mức cho mượn là 100.000.000.000 đồng với lãi suất là 0%/năm.

(2) Khoản mượn vốn theo Thỏa thuận mượn vốn số 0109/2014/TTMV-SGT ngày 01/09/2014, hạn mức cho mượn là 150.000.000.000 đồng với lãi suất là 0%/năm.

(3) Khoản hợp tác đầu tư dài hạn vào dự án 300 A-B Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Tp.Hồ Chí Minh và 84 Hùng Vương Đà Nẵng.

22. Vay và nợ dài hạn

31/12/2014

01/01/2014

Vay dài hạn

Vay ngân hàng		365.689.222.469	238.285.402.545
Văn phòng Công ty		340.810.789.113	238.285.402.545
+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	(1)	186.295.455.780	138.988.666.667
- Hợp đồng 5203/2008/HĐTD-DN.HCM	(1a)	10.109.899.123	5.488.666.667
- Hợp đồng 1405/2011/HĐTD-DN	(1b)	176.185.556.657	133.500.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quốc Dân		110.000.000.000	99.296.735.878
- Hợp đồng 080762/TDDH		-	9.940.935.878
- Hợp đồng 395/11/HĐTD-11	(2a)	37.000.000.000	28.380.800.000
- Hợp đồng 842/11/HĐTD/101-11	(2b)	41.500.000.000	37.350.000.000
- Hợp đồng số 855/11HĐTD/101-11	(2c)	31.500.000.000	23.625.000.000
+ Công ty CP ĐT & PT Hạ tầng KCNC Sài Gòn	(3)	28.812.000.000	-
+ Công ty CP Kum Ba	(4)	7.703.333.333	-
+ Công ty CP Cơ điện tử - Tin học Cholimex	(5)	8.000.000.000	-
Chi nhánh Bắc Ninh		24.878.433.356	-
+ Ngân hàng Công Thương Quế Võ	(6)	24.878.433.356	-
Trái phiếu phát hành	(7)	300.000.000.000	300.000.000.000
Cộng		665.689.222.469	538.285.402.545

Chi tiết các khoản vay dài hạn bao gồm:

(1) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng sau:

(a) Hợp đồng tín dụng số 5203/2008/HĐTD-DN.HCM ngày 29/03/2009, Hợp đồng sửa đổi bổ sung HĐTD số 5203/2008/HĐTD-DN.HCM.01 ngày 06/5/2013 và phụ lục HĐTD số 5203/2008/HĐTD-DN.HCM/PL02 ngày 28/11/2014, hạn mức tín dụng: 35 tỷ đồng với lãi suất vay bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng loại lãnh cuối kỳ + 0,4%/tháng. Thời hạn thanh toán nợ gốc: 15/08/2015. Mục đích vay: Điền bù, san lấp KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn giai đoạn I, tỉnh Bắc Ninh. Thời gian vay: 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Hợp đồng tín dụng số 1405/2011/HĐTD-DN ngày 31/05/2011 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 03/07/2012, phụ lục số 1405/2014/HĐTD-DN/PL02 ngày 28/11/2014; Hạn mức tín dụng: 150 tỷ đồng với lãi suất vay là 22%/năm cho năm đầu tiên, sau đó lãi suất được điều chỉnh 1 tháng/lần bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng loại lãnh cuối kỳ ở bậc thang cao nhất cộng biên độ tối thiểu do ngân hàng công bố tại thời điểm đó. Mục đích vay: thanh toán chi phí điền bù, giải toả mặt bằng dự án KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn giai đoạn II, tỉnh Bắc Ninh. Thời gian vay: 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng 4.500.000 cổ phiếu SQC của Công ty Cổ phần Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn.

(2) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân theo các hợp đồng tín dụng sau:

(a) Hợp đồng số 395/11/HĐTD/101-11 ngày 14/06/2011, hạn mức tín dụng: 50 tỷ, thời hạn vay: 7 năm, lãi suất vay: 15%/năm, tài sản đảm bảo: cầm cố 1.200.000 CP của Công ty CP Khoáng Sản Quy Nhơn (SQC) trị giá 100.800.000.000 VND. Mục đích vay: Đầu tư dự án KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn giai đoạn II.

(b) Hợp đồng số 842/11/HĐTD/101-11 ngày 01/12/2011, hạn mức tín dụng: 41,5 tỷ, ngày đáo hạn: 12/01/2018, lãi suất vay: 13,8%/năm, tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại Lô đất C2-2; C2-1; C5-1 tại KCN Tân Phú Trung, Củ Chi, Tp.HCM với tổng diện tích là 200.000m² và 190.000 cổ phiếu của SQC thuộc sở hữu của ông Hoàng Minh Hương. Mục đích vay: Đầu tư dự án KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn giai đoạn II.

(c) Hợp đồng số 855/11/HĐTD/101-11 ngày 15/12/2011 và phụ lục số 02/13/PL-855 ngày 15/01/13, hạn mức tín dụng: 41,5 tỷ, ngày đáo hạn: 15/02/2016, lãi suất vay: 13,8%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất huy động 12 tháng bằng VNĐ bậc cao nhất cộng biên độ 3%/năm. Tài sản đảm bảo tiền vay: Quyền sử dụng lô đất C2-2; C2-1; C5-1 tại KCN Tân Phú Trung, Củ Chi, Tp. HCM với tổng diện tích 200.000m².

(3) Khoản vay của Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Sài Gòn theo các hợp đồng vay số 07-2011/HĐVV ngày 01 tháng 03 năm 2011 và phụ lục gia hạn với lãi suất 0,01%/ tháng.

(4) Khoản mượn của Công ty CP Kum Ba theo thỏa thuận mượn vốn số 0512/TT-SGT.14 ngày 05/12/2011, lãi suất cho mượn vốn : 9,2%/năm, thời hạn thanh toán đến ngày 05/12/2016.

(5) Khoản mượn của Công ty CP Cơ điện tử - Tin học Cholimex theo thỏa thuận mượn số 003/2012/TTMV-MEI ngày 03/05/2012 và phụ lục gia hạn với lãi suất 8%/năm, thời hạn thanh toán đến ngày 31/03/2016.

(6) Chi tiết các khoản vay dài hạn tại NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Ninh theo các Hợp đồng sau:

+ Hợp đồng số 02/2014-HĐTDDA/NHCT282-NX/NVP SGT ngày 01/10/2014

- Hạn mức tín dụng 160.000.000.000 đồng
- Thời hạn vay là 66 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ, trả lãi 3 tháng/lần và biên độ dao động lãi suất là 3,5%/năm
- Mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ để thực hiện Dự án xây dựng Nhà xưởng và nhà văn phòng tại KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn.

+ Hợp đồng số 01/2014-HĐTDDA/NHCT282-NMN SGT ngày 01/10/2014

- Hạn mức tín dụng 20.000.000.000 đồng
- Thời hạn vay là 51 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ, trả lãi hàng tháng và biên độ dao động lãi suất là 3,5%/năm
- Mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ để thực hiện Dự án đầu tư công trình Nhà máy xử lý nước sạch tại KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(6) Công ty phát hành trái phiếu không đảm bảo bằng tài sản nhằm mục đích huy động vốn tài trợ cho dự án Cụm Công nghiệp Nam Sông Hồng cho Ngân hàng TMCP Phương Tây (nay là NH TMCP Đại Chúng Việt Nam) với tổng số lượng trái phiếu phát hành là 300.000 trái phiếu, mệnh giá là 1.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn 5 năm, lãi suất là 12,5%/năm (tiền lãi thanh toán định kỳ 1 năm/ 1 lần, bắt đầu sau 1 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu).

	31/12/2014	01/01/2014
23. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	27.337.259.004	25.658.158.312
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu Thuế	27.337.259.004	25.658.158.312
Cộng	27.337.259.004	25.658.158.312
24. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2014	01/01/2014
Văn phòng Công ty	905.035.626	313.045.562
<i>Doanh thu cho thuê văn phòng, cung cấp dịch vụ & bảo vệ</i>	<i>905.035.626</i>	<i>313.045.562</i>
Chi nhánh Bắc Ninh	356.764.200	356.764.200
<i>Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng</i>	<i>356.764.200</i>	<i>356.764.200</i>
Cộng	1.261.799.826	669.809.762
25. Vốn chủ sở hữu		
a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2014	01/01/2014
Vốn góp của các nhà đầu tư	740.016.040.000	740.016.040.000
Cổ phiếu quỹ	3.100.000	3.100.000
Cộng	740.019.140.000	740.019.140.000
b. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem thuyết minh tại trang 47.		
c. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận:		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm 2014	Năm 2013
Vốn góp đầu năm	740.019.140.000	740.019.140.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	740.019.140.000	740.019.140.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d. Cổ phiếu	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	74.001.914	74.001.914
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	74.001.914	74.001.914
Cổ phiếu thường	74.001.914	74.001.914
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	310	310
Cổ phiếu thường	310	310
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	74.001.604	74.001.604
Cổ phiếu thường	74.001.604	74.001.604
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: Đồng Việt Nam/Cổ phiếu	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động thương mại - dịch vụ	88.413.018.237	26.388.366.532
<i>Văn phòng Công ty</i>	84.447.096.472	24.455.180.041
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	3.965.921.765	1.933.186.491
Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng	9.380.759.015	6.936.396.273
<i>Văn phòng Công ty</i>	9.380.759.015	6.936.396.273
Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng & nhà xưởng	5.320.165.837	24.213.671.550
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	5.320.165.837	24.213.671.550
Doanh thu hoạt động cho thuê lại đất	123.528.689.773	49.244.514.488
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	123.528.689.773	49.244.514.488
Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	100.700.000.000
<i>Văn phòng Công ty</i>	-	100.700.000.000
Cộng	226.642.632.862	207.482.948.843
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	-	21.472.690
Hàng bán bị trả lại	4.070.820.108	684.929.690
Giảm giá hàng bán	1.505.636.362	217.388.906
Cộng	5.576.456.470	923.791.286
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động thương mại - dịch vụ	82.836.561.767	25.464.575.246
<i>Văn phòng Công ty</i>	78.870.640.002	23.531.388.755
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	3.965.921.765	1.933.186.491
Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng	9.380.759.015	6.936.396.273
<i>Văn phòng Công ty</i>	9.380.759.015	6.936.396.273
Doanh thu hoạt động cho thuê và bán nhà xưởng	5.320.165.837	24.213.671.550
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	5.320.165.837	24.213.671.550
Doanh thu hoạt động cho thuê lại đất	123.528.689.773	49.244.514.488
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	123.528.689.773	49.244.514.488
Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	100.700.000.000
<i>Văn phòng Công ty</i>	-	100.700.000.000
Cộng	221.066.176.392	206.559.157.557
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hoạt động thương mại - dịch vụ	61.661.156.464	31.769.047.864
<i>Văn phòng Công ty</i>	59.321.817.055	30.071.560.170
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	2.339.339.409	1.697.487.694
Giá vốn hoạt động cho thuê văn phòng	6.418.356.822	6.376.282.680
<i>Văn phòng Công ty</i>	6.418.356.822	6.376.282.680

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Giá vốn hoạt động bán và cho thuê nhà xưởng	1.924.349.497	8.581.642.935
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>1.924.349.497</i>	<i>8.581.642.935</i>
Giá vốn hoạt động cho thuê lại đất	103.014.537.118	14.232.328.509
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>103.014.537.118</i>	<i>14.232.328.509</i>
Giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	82.358.445.780
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>-</i>	<i>82.358.445.780</i>
Giá vốn khác	-	6.042.719.548
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>-</i>	<i>6.042.719.548</i>
Cộng	173.018.399.901	149.360.467.316
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2014	Năm 2013
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	671.369.862	357.007.378
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>129.314.757</i>	<i>39.046.020</i>
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>542.055.105</i>	<i>317.961.358</i>
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	101.296.250.524	50.878.170.000
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>101.296.250.524</i>	<i>50.878.170.000</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.133.730	264.679.165
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>28.133.730</i>	<i>264.679.165</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	265.472.159
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>-</i>	<i>265.472.159</i>
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.120.822.836	246.471.332
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>3.120.822.836</i>	<i>246.471.332</i>
Cộng	105.116.576.952	52.011.800.034
6. Chi phí tài chính	Năm 2014	Năm 2013
Lãi tiền vay	81.448.604.926	82.205.004.869
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>81.448.604.926</i>	<i>82.205.004.869</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	535.906.477	223.366.340
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>62.684.574</i>	<i>148.408.025</i>
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>473.221.903</i>	<i>74.958.315</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.849.461	103.635.831
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>29.849.461</i>	<i>18.359.906</i>
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>-</i>	<i>85.275.925</i>
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	9.302.400.000	-
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>9.302.400.000</i>	<i>-</i>
Dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng) các khoản đầu tư ngắn, dài hạn	(5.169.444.634)	707.572.790
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>(5.169.444.634)</i>	<i>707.572.790</i>
Chi phí tài chính khác	28.416.667	6.416.290
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>-</i>	<i>6.416.290</i>
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>28.416.667</i>	<i>-</i>
Cộng	86.175.732.897	83.245.996.120

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2014	Năm 2013
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	8.560.775.678	7.258.423.616
Chi phí đồ dùng văn phòng	243.150.345	193.814.354
Chi phí khấu hao	525.668.432	685.416.213
Thuế, phí, lệ phí	302.338.842	131.109.906
Chi phí dự phòng	22.518.624.692	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.707.010.225	733.280.719
Chi phí bằng tiền khác	5.652.657.617	3.604.367.499
Cộng	39.510.225.831	12.606.412.307
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.088.890.253	12.457.244.878
Văn phòng Công ty	11.850.053.160	(33.078.871.320)
Chi nhánh Bắc Ninh	20.238.837.093	45.536.116.198
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	360.176.300
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	360.176.300
<i>Văn phòng Công ty</i>	-	358.856.300
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	-	1.320.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	20.238.837.093	63.877.670.418
Văn phòng Công ty	-	18.341.554.220
Chi nhánh Bắc Ninh	20.238.837.093	45.536.116.198
4. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	10% - 20% - 25%	10% - 20% - 25%
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.603.948.278	5.947.064.642
Văn phòng Công ty (a)	184.467.821	4.585.388.555
Chi nhánh Bắc Ninh (b)	1.419.480.457	1.361.676.087
7. Chi phí thuế TNDN của phần thu nhập của năm 2014 từ những năm trước tính vào kỳ này	149.429.188	108.236.447
8. Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của những năm trước vào năm nay	(451.905)	-
9. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.752.925.561	6.055.301.092

(*) Chi nhánh Bắc Ninh được hưởng ưu đãi về đầu tư theo Luật doanh nghiệp về chế độ miễn giảm thuế theo quy định của Nhà nước.

Đối với Chi nhánh Công ty tại Bắc Ninh: Thuế suất thuế TNDN là 10%, Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2004 đến năm 2007), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2016). Hoạt động khác có thuế suất thuế TNDN là 22%.

Đối với hoạt động cho thuê đất tại Chi nhánh Bắc Ninh: Thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm (từ năm 2006 đến năm 2020), sau thời gian này thuế suất thuế TNDN được tính theo thuế suất phổ thông, Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2006 đến năm 2009), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(a) Là số thuế TNDN phải nộp bổ sung theo Quyết định ngày 4901/QĐ-CT-XP ngày 08/10/2014 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh.

(b) Thuyết minh chi tiết thuế TNDN phải nộp của chi nhánh Bắc Ninh: trang 50 - 52.

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm 2014	Năm 2013
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.828.529.880	6.349.500.958
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả - Phần thu nhập từ năm 2013 trở về trước	(149.429.188)	(108.236.448)
<i>Từ năm 2009-2011</i>	<i>(33.452.414)</i>	<i>(33.452.414)</i>
<i>Năm 2012</i>	<i>(74.784.034)</i>	<i>(74.784.034)</i>
<i>Năm 2013</i>	<i>(41.192.740)</i>	-
Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.679.100.692	6.241.264.509
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.656.864.000	160.679.277
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.656.864.000	160.679.277
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	74.001.604	74.001.604
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	387	2

11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản
Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

11.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+ 100	(6.959.625.354)
VND	- 100	6.959.625.354
Ngoại tệ (USD)	+ 50	47.539.354
Ngoại tệ (USD)	- 50	(47.539.354)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	+ 100	(7.470.984.218)
VND	- 100	7.470.984.218

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày khóa sổ kỳ kế toán, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 501.600.000.000 đồng Việt Nam (ngày 31/12/2013: 490.314.000.000 đồng). Các khoản đầu tư này có giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ, do vậy biến động về giá cổ phiếu đối với các khoản đầu tư này không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

11.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng phần lớn các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt. Các khoản tài sản tài chính bị suy giảm đã được Công ty lập dự phòng đầy đủ.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

11.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

VND

31 tháng 12 năm 2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	71.073.410.576	665.689.222.469	-	736.762.633.045
Phải trả người bán	45.599.520.372	-	-	45.599.520.372
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	305.760.836.972	121.047.175.178	2.248.935.600	429.056.947.750
	422.433.767.920	786.736.397.647	2.248.935.600	1.211.419.101.167
31 tháng 12 năm 2013				
Các khoản vay và nợ	206.478.490.441	538.285.402.545	-	744.763.892.986
Phải trả người bán	15.540.644.025	-	-	15.540.644.025
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	339.036.561.758	-	2.097.938.600	341.134.500.358
	561.055.696.224	538.285.402.545	2.097.938.600	1.101.439.037.369

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần tài sản đang xây dựng, quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc, bất động sản và cổ phiếu niêm yết làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.22).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Xem thuyết minh tại trang 48.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh

b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh

c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

* Tranh chấp hợp tác kinh doanh:

Căn cứ trên Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐHT) số 10/HĐHT/SGT ký ngày 10/11/2010 Công ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn và Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện VTC hợp tác thành lập Công ty Cổ phần Truyền thông VTC (đổi tên thành Công ty Cổ phần Truyền thông Sắc Màu Sài Gòn_SGC). Căn cứ trên HĐHT, Tổng Công ty Đa phương tiện VTC có nghĩa vụ góp vốn bằng quyền kinh doanh và khai thác kênh truyền hình VTC 6, lợi thế kinh doanh & kinh nghiệm truyền hình tương đương là 50.000.000.000 đồng chiếm 10% vốn điều lệ của SGC.

Tuy nhiên, Tổng Công ty Đa phương tiện VTC đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện góp vốn theo HĐHT nên ngày 10 tháng 12 năm 2012, Công ty có công văn số 50/2012/CV-SGT ký ngày 10/12/2012 yêu cầu VTC có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ góp vốn theo quy định và có trách nhiệm chịu lãi phạt do chậm góp vốn nhưng đến nay vẫn chưa đạt được sự chấp thuận của VTC về việc thực hiện nghĩa vụ góp vốn và chịu lãi phạt do vi phạm nghĩa vụ góp theo HĐHT số 10/HĐKT/SGT ký ngày 10/11/2010.

Tính đến ngày 31/12/2014, số vốn đầu tư của Công ty tại Công ty CP Truyền thông Sắc Màu Sài Gòn là 22.344.000.000 đồng và số tiền Công ty đã chuyển cho VTC để mua các máy móc thiết bị thành lập Công ty CP Truyền thông Sắc Màu Sài Gòn là 31.690.000.000 đồng hiện tại vẫn chưa thu hồi được.

Hiện tại, các cơ quan chức năng đang thụ lý và giải quyết vụ việc, Công ty đang chờ kết luận của các cấp có thẩm quyền.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ phải thu/(phải trả)
Công ty CP Phát triển Đô Thị Sài Gòn Tây Bắc	Công ty liên quan	Thu tiền chuyển nhượng dự án	674.545.455	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan (tiếp theo)	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ phải thu/(phải trả)
Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn	Công ty liên quan	Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP DV BC Viễn Thông Sài Gòn	186.750.000.000	-
		Thu tiền	186.750.000.000	
		Chuyển tiền mua lại đất tại KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn	186.750.000.000	-
Bà Hoàng Thị Kim Hiền	Bên liên quan	Chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Địa ốc Nam Việt	20.426.000.000	1.000.000
Công ty CP Dịch vụ Kinh Bắc	Bên liên quan	Chuyển nhượng cổ phần tại CTCP ĐTPT NM Điện Sài Gòn - Bình Thuận	160.000.000.000	293.700.000.000
		Trả tiền mượn	7.614.376.513	-
Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc	Chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Truyền Thông Sắc Mâu	13.953.600.000	13.953.600.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT	Mượn tiền	69.500.000.000	(69.500.000.000)
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn	Công ty liên quan	Mượn tiền	25.000.000.000	(51.547.175.178)
Ông Đặng Thành Tâm	Chủ tịch HĐQT	Mượn tiền tại CN Bắc Ninh	7.000.000.000	(7.000.000.000)
Công ty CP KCN Sài Gòn - Bắc Giang	Công ty liên quan	Trả tiền mượn tại CN Bắc Ninh	500.000.000	(22.592.687.097)
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn Đà Nẵng		Mượn tiền	10.000.000.000	-
		Trả tiền mượn	10.000.000.000	
		Lãi vay phải trả	6.681.025.000	(39.084.662.500)
		Tiền vay phải trả		50.550.000.000
Công ty CP KCN Sài Gòn - Hải Phòng	Công ty liên quan	Mượn tiền	10.000.000.000	(200.000.000)
		Trả tiền mượn	10.000.000.000	
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc	Công ty liên quan	Cho mượn tiền	5.506.720.468	4.416.574.667
		Trả tiền mượn	34.036.842.950	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan (tiếp theo)	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ phải thu/(phải trả)
Ông Vũ Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc Công ty	Tạm ứng tại Chi nhánh Bắc Ninh	557.500.000	41.020.423
		Hoàn tạm ứng	3.369.297.702	
Ban điều hành		Tiền lương và thưởng	1.082.901.873	

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Bảng thuyết minh báo cáo bộ phận: Xem thuyết minh tại trang 49.

4. Thông tin về hoạt động liên tục:

<u>Chỉ tiêu</u>	31/12/2014	01/01/2014
Tổng Tài sản	1.832.917.864.788	1.813.085.224.316
Nợ phải trả	1.395.756.164.753	1.404.580.388.281
Tỷ lệ Nợ phải trả/ Tổng tài sản	76,15%	77,47%

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán

a. Khả năng thanh toán hiện hành	0,72	0,33
b. Khả năng thanh toán nhanh	1,78	0,58
c. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(75.684.447.985)	(47.585.204.742)

Các chỉ số về khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nhanh và luồng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của tại ngày 31/12/2014 so với ngày đầu năm cho thấy tình hình hoạt động của Công ty tuy có chuyển biến tốt hơn nhưng các chỉ đo lường về khả năng thanh toán vẫn thấp, nợ phải trả vẫn chiếm tỷ lệ lớn trong tổng tài sản, luồng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm qua các năm cho thấy công ty vẫn còn gặp khó khăn trong việc thanh toán trong điều kiện kinh doanh bình thường.

Ban Tổng Giám Đốc đã có Bảng đánh giá về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và các kế hoạch duy trì và phát triển hoạt động của Công ty như sau:

- Trong năm 2014, Công ty đã tắt toán gốc và lãi đối một số các khoản vay ngân hàng bên cạnh việc lãi suất cho vay của thị trường đang giảm mạnh làm cho chi phí tài chính trong thời gian tới sẽ giảm so với những năm trước.
- Mở rộng diện tích cho thuê và bán nhà xưởng tại KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Các mảng hoạt động như kinh doanh đường truyền Internet, hạ tầng viễn thông, cung cấp thiết bị viễn thông có doanh thu tăng đột biến trong năm 2014 và dự kiến tiếp tục tăng mạnh trong năm 2015.

- Hoạt động cho thuê văn phòng tại Trụ sở Công ty trong Công viên phần mềm Quang Trung đã thu hút thêm được nhà đầu tư, lấp đầy gần 90% diện tích văn phòng trong Tòa nhà, hiện tại, Công ty đang tìm kiếm đối tác để cho thuê phần còn lại diện tích văn phòng cho thuê tại Tòa nhà Saigon ICT Tower.

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ tiếp tục các hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai.

5. Số liệu so sánh:

Một vài số liệu so sánh được trình bày lại cho phù hợp với năm hiện hành:

Trong kỳ, Công ty trình bày lại số liệu đầu kỳ của Bảng tổng hợp giá trị Tài sản tài chính và Bảng tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty trong Thuyết minh Báo cáo tài chính cho phù hợp với Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009.

Bảng tổng hợp giá trị Tài sản tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý
	Giá trị	Dự phòng	
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (theo BCTC năm 2013 - Ngày 31/12/2013) - Số đã trình bày	957.765.405.776	-	831.824.772.468
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (theo BCTC năm 2013 - Ngày 31/12/2013) - Số trình bày lại	957.765.405.776	(23.714.530.594)	1.204.364.875.182
<u>Chênh lệch</u>	<u>-</u>	<u>23.714.530.594</u>	<u>(372.540.102.714)</u>

Bảng tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty

31 tháng 12 năm 2013	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả (theo BCTC năm 2013 - Ngày 31/12/2013) - Số đã trình bày	2.097.938.600	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả (theo BCTC năm 2013 - Ngày 31/12/2013) - Số trình bày lại	-	2.097.938.600
<u>Chênh lệch</u>	<u>2.097.938.600</u>	<u>(2.097.938.600)</u>

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo hợp đồng số 20032015/HĐCN-SGC ngày 20/03/2015, toàn bộ 2.234.400 cổ phần tại Công ty CP Truyền thông Sắc Màu Sài Gòn được thuyết minh tại mục V.13 đã được chuyển nhượng cho ông Lê Nguyễn Hoàng Anh, tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 22.344.000.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Cao Nữ Ngọc Dung

Kế toán trưởng

Vũ Quốc Huân



Tổng Giám đốc

Nguyễn Cẩm Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	38.708.595.128	10.455.648.239	3.727.169.253	200.250.292	53.091.662.912
Mua trong năm	-	-	2.327.912.000	160.900.000	2.488.812.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.133.330.135)	-	-	(7.133.330.135)
Số dư cuối năm	38.708.595.128	3.322.318.104	6.055.081.253	361.150.292	48.447.144.777
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.838.073.849	9.245.349.610	2.247.534.695	200.250.292	21.531.208.446
Khấu hao trong năm	1.558.656.900	380.376.593	359.165.122	-	2.298.198.615
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.133.330.135)	-	-	(7.133.330.135)
Điều chỉnh do phân loại lại	-	-	(60.872.647)	60.872.647	-
Số dư cuối năm	11.396.730.749	2.492.396.068	2.545.827.170	261.122.939	16.696.076.923
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	28.870.521.278	1.210.298.629	1.479.634.558	-	31.560.454.466
Số dư cuối năm	27.311.864.379	829.922.036	3.509.254.083	100.027.353	31.751.067.854

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 27.311.864.379 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 774.237.114 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không phát sinh.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: Không phát sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

25. Vốn chủ sở hữu

b. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	740.019.140.000	(3.100.000)	(331.671.883.241)	408.344.156.759
- Lãi trong năm trước	-	-	160.679.277	160.679.277
Số dư cuối năm trước	740.019.140.000	(3.100.000)	(331.511.203.965)	408.504.836.035
Số dư đầu năm nay	740.019.140.000	(3.100.000)	(331.511.203.965)	408.504.836.035
- Lãi trong năm	-	-	28.656.864.000	28.656.864.000
Số dư cuối năm	740.019.140.000	(3.100.000)	(302.854.339.965)	437.161.700.035

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2014		31/12/2013		31/12/2014	31/12/2013
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	726.929.895.776	(18.545.085.960)	957.765.405.776	(23.714.530.594)	989.984.809.816	1.204.364.875.182
- Phải thu khách hàng	350.375.362.709	(3.220.582.046)	114.796.516.719	(2.884.957.354)	347.154.780.663	111.911.559.365
- Phải thu khác	349.796.694.374	(22.183.000.000)	134.813.480.125	-	327.613.694.374	134.813.480.125
- Tài sản khác	18.840.201.763	-	1.304.246.445	-	18.840.201.763	1.304.246.445
- Tiền và các khoản tương đương tiền	33.660.343.399	-	13.380.813.371	-	33.660.343.399	13.380.813.371
TỔNG CỘNG	1.479.602.498.021	(43.948.668.006)	1.222.060.462.436	(26.599.487.948)	1.717.253.830.015	1.465.774.974.488
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	736.762.633.045	-	744.763.892.986	-	744.779.576.125	849.579.831.177
- Phải trả người bán	45.599.520.372	-	15.540.644.025	-	45.599.520.372	15.540.644.025
- Phải trả khác và chi phí phải trả	429.056.947.750	-	341.134.500.358	-	429.056.947.750	341.134.500.358
TỔNG CỘNG	1.211.419.101.167	-	1.101.439.037.369	-	1.219.436.044.247	1.206.254.975.560

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá thị trường.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường cố định thanh toán cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có điều kiện, rủi ro tín dụng và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. 3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

a) Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Khoản mục	Hoạt động thương mại - dịch vụ và hoạt động khác	Hoạt động cho thuê văn phòng	Hoạt động cho thuê và bán nhà xưởng	Hoạt động cho thuê lại đất	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	82.836.561.767	9.380.759.015	5.320.165.837	123.528.689.773	221.066.176.392
2. Giá vốn	61.661.156.464	6.418.356.822	1.924.349.497	103.014.537.118	173.018.399.901
3. Lợi nhuận gộp	21.175.405.303	2.962.402.193	3.395.816.340	20.514.152.655	48.047.776.491
4. Tài sản bộ phận	20.909.991.871	4.249.956.049	16.240.620.693	56.547.662.422	97.948.231.035
5. Tài sản không phân bổ					1.734.969.633.753
6. Tổng tài sản					1.832.917.864.788
7. Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	50.355.163.438	50.355.163.438
8. Nợ phải trả không phân bổ					1.345.401.001.315
9. Tổng Nợ phải trả					1.395.756.164.753

b) Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Khoản mục	Bắc Ninh	Tp.HCM	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	132.814.777.375	88.251.399.017	221.066.176.392
2. Giá vốn	107.278.226.024	65.740.173.877	173.018.399.901
3. Lợi nhuận gộp	25.536.551.351	22.511.225.140	48.047.776.491
4. Tài sản bộ phận	485.339.120.378	1.347.578.744.410	1.832.917.864.788
5. Tài sản không phân bổ	-	-	-
6. Tổng tài sản	485.339.120.378	1.347.578.744.410	1.832.917.864.788
7. Nợ phải trả bộ phận	1.196.242.586.445	353.949.427.976	1.395.756.164.753
8. Nợ phải trả không phân bổ			
9. Tổng Nợ phải trả	1.196.242.586.445	353.949.427.976	1.395.756.164.753

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Chi tiết thuế TNDN phải nộp chi nhánh Bắc Ninh

8.1 Hoạt động cho thuê đất dài hạn	Thu nhập chịu thuế	Thuế suất	Thuế TNDN	Thuế TNDN được miễn (50%)	Thuế TNDN phải nộp trong năm
Thu nhập chịu thuế trong năm	10.345.629.587				
Thời hạn cho thuê đất (*)	43				
TNCT tính cho 1 năm	240.596.037				
TNCT tính cho 9 năm được giảm 50% (2010 - 2018)	1.202.980.185	10%	120.298.019	60.149.010	60.149.009
TNCT tính cho 2 năm áp dụng thuế suất 10% (2019 - 2020)	481.192.074	10%	48.119.207		48.119.207
TNCT tính cho các năm còn lại với mức thuế 20%	8.661.457.328	20%	1.732.291.466		1.732.291.466
Cộng	10.345.629.587		1.900.708.692	60.149.010	1.840.559.682

Thuế TNDN hiện hành: Công ty tính theo dòng đời dự án còn lại (43 năm) nên số thuế TNDN năm hiện hành bằng tổng số thuế phải nộp chia cho 43 năm (đối với hoạt động cho thuê đất) cộng cho thuế TNDN của hoạt động khác.

Số thuế TNDN còn lại: Công ty hạch toán vào tài khoản Thuế TNDN hoãn lại và sẽ nộp dần hàng năm.

+ Chi phí thuế TNDN hiện hành từ hoạt động cho thuê đất dài hạn

	Thu nhập chịu thuế	Thuế suất	Thuế TNDN	Thuế TNDN được miễn, giảm	Thuế TNDN phải nộp
Hoạt động cho thuê đất					
+ Thu nhập tính thuế trong năm	240.596.037	10%	24.059.604	12.029.802	12.029.802
(a) Cộng					12.029.802

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Chi tiết thuế TNDN phải nộp chi nhánh Bắc Ninh

+ Chi phí thuế TNDN hoãn lại từ hoạt động cho thuê đất dài hạn

	Thu nhập chịu thuế	Thuế suất	Thuế TNDN	Thuế TNDN được miễn, giảm	Thuế TNDN phải nộp
Hoạt động cho thuê đất					
+ Thu nhập chịu thuế trong năm	10.345.629.587				
+ TNCT được giảm 50% - giai đoạn 2014-2019	962.384.148	10%	96.238.415	48.119.207	48.119.207
+ TNCT tính cho 2 năm áp dụng thuế suất 10% (2019-2020)	481.192.074	10%	48.119.207	-	48.119.207
+ TNCT tính cho các năm còn lại đến năm 2052 với mức thuế suất 20%	8.661.457.328	20%	1.732.291.466	-	1.732.291.466
(b) Cộng					1.828.529.880

8.2 Hoạt động cho thuê đất ngắn hạn

Thu nhập chịu thuế trong năm	623.319.833	10%	62.331.983	31.165.992	31.165.991
(c) Cộng	623.319.833		62.331.983	31.165.992	31.165.991

8.3 Hoạt động bán - cho thuê nhà xưởng

	Thu nhập chịu thuế	Thuế suất	Thuế TNDN	Thuế TNDN được miễn (50%)	Thuế TNDN phải nộp
Thu nhập chịu thuế trong năm (*)	4.735.914.614	15%	710.387.192	355.193.596	355.193.596
(d) Cộng	4.735.914.614		710.387.192	355.193.596	355.193.596

(*) Hoạt động bán nhà xưởng áp dụng thuế suất 15%, được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm (2006-2008), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 7 năm tiếp theo (2009-2015).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Chi tiết thuế TNDN phải nộp chi nhánh Bắc Ninh

8.4 Hoạt động Telecom và các hoạt động khác	Thu nhập chịu thuế	Thuế suất	Thuế TNDN	Thuế TNDN được miễn (50%)	Thuế TNDN phải nộp
Thu nhập chịu thuế trong năm	4.641.323.035	22%	1.021.091.068	-	1.021.091.068
(e) Cộng	4.641.323.035		1.021.091.068		1.021.091.068
Cộng Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp phát sinh trong năm (a+c+d+e)					1.419.480.457
Cộng Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải nộp phát sinh trong năm (b)					1.828.529.880

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP HCM
(V/v: Giải trình số liệu BCTC của Công Ty Mẹ 2014)**

I. Giải trình chênh lệch số liệu BCTC năm 2014 của Công ty Mẹ trước và sau kiểm toán:

Ngày 30/03/2015 Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (SGT) có công bố BCTC của Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2014, theo đó số liệu có sự chênh lệch với BCTC của Công ty mẹ trước kiểm toán, nguyên nhân là do những số liệu trên BCTC được điều chỉnh lại cho khớp với số liệu phát sinh thực tế trong năm sau khi có sự kiểm tra và soát xét lại của đơn vị kiểm toán (Phụ lục đính kèm)

II. Trình bày bổ sung thông tin thuyết minh trên BCTC Công ty Mẹ kiểm toán năm 2014:

1. Thuyết minh lại các khoản đầu tư dài hạn:

Chỉ tiêu	Số liệu tại ngày 31/12/2014		Số liệu tại ngày 01/01/2014	
	Số lượng CP	Giá trị	Số lượng CP	Giá trị
Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn Quy Nhơn	6.270.000	220.000.000.000	6.270.000	220.000.000.000
Công ty CP Truyền thông Sắc Màu Sài Gòn	2.234.400	22.344.000.000	-	-
Công ty CP ĐTPT NM điện SG Bình Thuận	4.725.000	75.600.000.000	12.725.000	203.600.000.000
Cty CP DV Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn	16.003.665	254.986.394.445	23.473.665	374.005.904.445
Công ty CP Địa ốc Viễn Đông Việt Nam	6.141.000	75.610.726.331	6.141.000	75.610.726.331
Ủy thác đầu tư cho cá nhân đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Địa ốc Viễn Đông Việt Nam	1.399.750	27.356.750.000	1.399.750	27.356.750.000
Công ty CP Dệt May Viễn thông Sài Gòn VINA	640.000	6.400.000.000	620.000	6.200.000.000
Công ty CP ĐT & PT HT KCN Cao Sài Gòn	2.881.200	28.812.000.000	2.881.200	28.812.000.000
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt (Chứng chỉ quỹ)	86,40	8.640.000.000	150	15.000.000.000
Trường ĐHDL Hùng Vương	230.000	2.300.000.000	230.000	2.300.000.000
Công ty CP Đầu tư Việt Sô	375.000	4.880.025.000	375.000	4.880.025.000
Tổng cộng		726.929.895.776		957.765.405.776

2. Trình bày bổ sung thông tin thuyết minh những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

Tiếp theo nội dung chúng tôi đã trình bày trong phần thuyết minh về việc tranh chấp hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn và Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện VTC hợp tác thành lập Công ty Cổ phần Truyền thông VTC (đổi tên thành Công ty Cổ phần Truyền thông Sắc Màu Sài Gòn_SGC). Chúng tôi xin trình bày cụ thể như sau:

- Việc VTC đã chiếm dụng vốn của SaigonTel với số tiền là 31.690.000.000 đồng thực sự đã ảnh hưởng ít nhiều đến tình hình tài chính của SaigonTel không những trong năm 2014 mà còn những năm trước đó. Số tiền bị chiếm dụng được hình thành từ nguồn vốn vay, Do đó, SaigonTel phải chịu chi phí lãi vay cũng như chi phí cơ hội tiếp cận các nguồn đầu tư khác, làm ảnh hưởng một phần đến kết quả kinh doanh trong năm 2014.

- Nhận thấy tình hình trên, trong năm 2014, một mặt SaigonTel tiến hành nhờ cơ quan chức năng có thẩm quyền can thiệp nhằm thu hồi lại số tiền trên. Mặt khác, trong cuối năm 2014, SaigonTel quyết định chuyển nhượng 51% cổ phần SGC mà SaigonTel đang sở hữu cho bên thứ ba với giá bán là 6.000 đồng trên 1 cổ phiếu nhằm cắt giảm rủi ro. Quyết định trên làm chi phí tài chính trong năm 2014 tăng thêm 9,302,400,000 đồng.

- Trong quý 1 năm 2015, bằng những chứng từ pháp lý và văn bản luật pháp rõ ràng nên SaigonTel đã nắm được lợi thế và cơ hội giành lại quyền lợi từ việc tranh chấp trên. Trên cơ sở đó, Bộ phận tài chính đã đề xuất lên hội đồng quản trị phương án chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phần còn lại cho bên thứ ba với mức giá là 10,000 đồng trên cổ phần (ngang bằng với mệnh giá). Như vậy SaigonTel hoàn toàn cắt được rủi ro, góp phần vào sự phát triển chung của hoạt động kinh doanh trong năm 2015.

III. Giải trình về việc không lập báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2014 với các công ty con :

Tại ngày 30/12/2014, SGT đã chuyển nhượng một phần khoản đầu tư tại công ty CP Truyền thông Sắc Màu Sài Gòn (SGC) cho bên thứ ba. Việc chuyển nhượng này làm cho tỷ lệ cổ phần của SGT tại SGC giảm xuống còn dưới 20%. Do đó tính đến thời điểm ngày 31/12/2014, SGC không còn là Công ty con của SGT nữa.

Đồng thời, đến thời điểm ngày 31/12/2014, SGT đã thành lập hai Công ty con, cụ thể như sau:

1. Công ty TNHH Một Thành Viên SaigonTel được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 06/11/2014 do Sở kế hoạch Đầu Tư Thành phố Hà Nội cấp.
2. Công ty CP Phân Phối Và Dịch Vụ SaigonTel được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 06/12/2014 do Sở kế hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cả hai công ty con nêu trên đều được thành lập vào những tháng cuối năm 2014 và đến hết ngày 31/12/2014 thì cả hai công ty này vẫn đang trong giai đoạn góp vốn đầu tư, chưa đi vào hoạt động kinh doanh. Theo quy định của chuẩn mực kế toán số 25 và thông tư số 202/2014/TT-BTC về hợp

nhất báo cáo tài chính với các công ty con thì SGT chưa phải lập báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm kết thúc ngày 31/12/2014.

Vì lý do đó, Công ty chúng tôi vẫn chưa tiến hành hợp nhất báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 với hai công ty con.

IV. Đính chính số liệu đã công bố trong quý 4/2014 của công ty mẹ:

Ngày 15/02/2015, SGT đã công bố thông tin báo cáo tài chính quý 04/2014 của công ty mẹ, đến ngày 17/03 Công ty chúng tôi có Công văn số 24/2015/CV-SGT V/v giải trình số liệu BCTC Công ty mẹ Quý 4/2014. Nay Công ty xin đính chính thêm liên quan đến chi phí lãi vay năm 2014 :

1. Kết quả kinh doanh lũy kế năm 2014

Chỉ tiêu	Số liệu trước đính chính	Số liệu sau đính chính	Chênh lệch	Nguyên nhân
Chi phí tài chính	85.586.332.202	85.586.332.202	-	
Chi phí lãi vay	75.725.854.951	81.484.700.281	(5.758.845.330)	Trình bày lại chi phí lãi vay và hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng

2. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2014

CHỈ TIÊU	Năm 2014		Chênh lệch	Nguyên nhân
	Trước đính chính	Sau đính chính		
Chi phí lãi vay	75.725.854.951	81.484.700.281	(5.758.845.330)	Trình bày lại do điều chỉnh chi phí lãi vay
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	39.352.852.369	45.111.697.699	(5.758.845.330)	Ảnh hưởng của bút toán nêu trên
Tăng/ giảm các khoản phải trả	(49.184.280.220)	(54.943.125.550)	5.758.845.330	Trình bày lại do điều chỉnh chi phí lãi vay

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM VĂN VINH

NGUYỄN CẨM PHƯƠNG